

LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH

51

CHÚA HIỂN - CHÚA NGHĨA



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Chủ biên
TRẦN BẠCH ĐĂNG
Biên soạn
LÊ VĂN NĂM
Họa sĩ
LÊ PHI HÙNG



LỊCH SỬ VIỆT NAM

BẰNG TRANH

TẬP 51: CHÚA HIỂN - CHÚA NGHĨA

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Hình vẽ do phòng vẽ “Lịch sử Việt Nam bằng tranh” thực hiện
Họa sĩ thể hiện: Lê Phi Hùng

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THU VIỆN KHTH TP.HCM
General Sciences Library Cataloging-in-Publication Data

Lê Văn Năm

Chúa Hiền chúa Nghĩa / Lê Văn Năm ; minh họa, Lê Phi Hùng. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ,
2013.

94 tr. ; 20 cm. - (Lịch sử Việt Nam bằng tranh ; T.51).

1. Nguyễn Phúc Tần, 1620-1687 -- Sách tranh. 2. Việt Nam -- Lịch sử -- Nguyễn Phúc
Tần, 1648-1687 -- Sách tranh. I. Ts: Lịch sử Việt Nam bằng tranh.

1. Nguyễn Phúc Tần, 1620-1687 -- Pictorial works. 2. Vietnam -- History -- Nguyễn
Phúc Tần, 1648-1687 -- Pictorial works.

959.70272092 -- dc 22
L433-N17

LỜI GIỚI THIỆU

Khi còn là Thế tử, chúa Hiền Nguyễn Phúc Tần đã lập nên nhiều chiến công vô cùng hiển hách: phá giặc Ô Lan ở cửa Eo, phá quân Trịnh nơi sông Gianh. Nổi nghiệp chúa Thượng, Hiền vương Nguyễn Phúc Tần được xem là người chăm lo chính sự, chú trọng người tài, xa rời nữ sắc. Không những vậy, người còn mở mang nhiều vùng đất mới, các kênh Trung Đan, Mai Xá được khơi đào, phát triển ngoại thương, bớt lao dịch giảm thuế khóa,... Bờ cõi vô sự, thóc lúa được mùa.

Chúa Hiền mất, công tử trưởng của chúa Hiền mất sớm, công tử Nguyễn Phúc Trăn nhận nghiệp lớn. Chúa Nguyễn Phúc Trăn là người yêu kẻ sĩ, trọng nhân tài và thương dân. Khi lên kế nghiệp, ngài giảm nhẹ hình phạt, xâu thuế; miễn một nửa thuế ruộng mới khai hoang. Nhân dân đương thời thương mến, thường gọi ngài là chúa Nghĩa (chúa Ngãi).

*Những nội dung trên được truyền tải trong tập 51 của bộ **Lịch sử Việt Nam bằng tranh “Chúa Hiền - Chúa Nghĩa”** phần lời do Lê Văn Năm biên soạn, phần hình ảnh do Lê Phi Hùng thể hiện.*

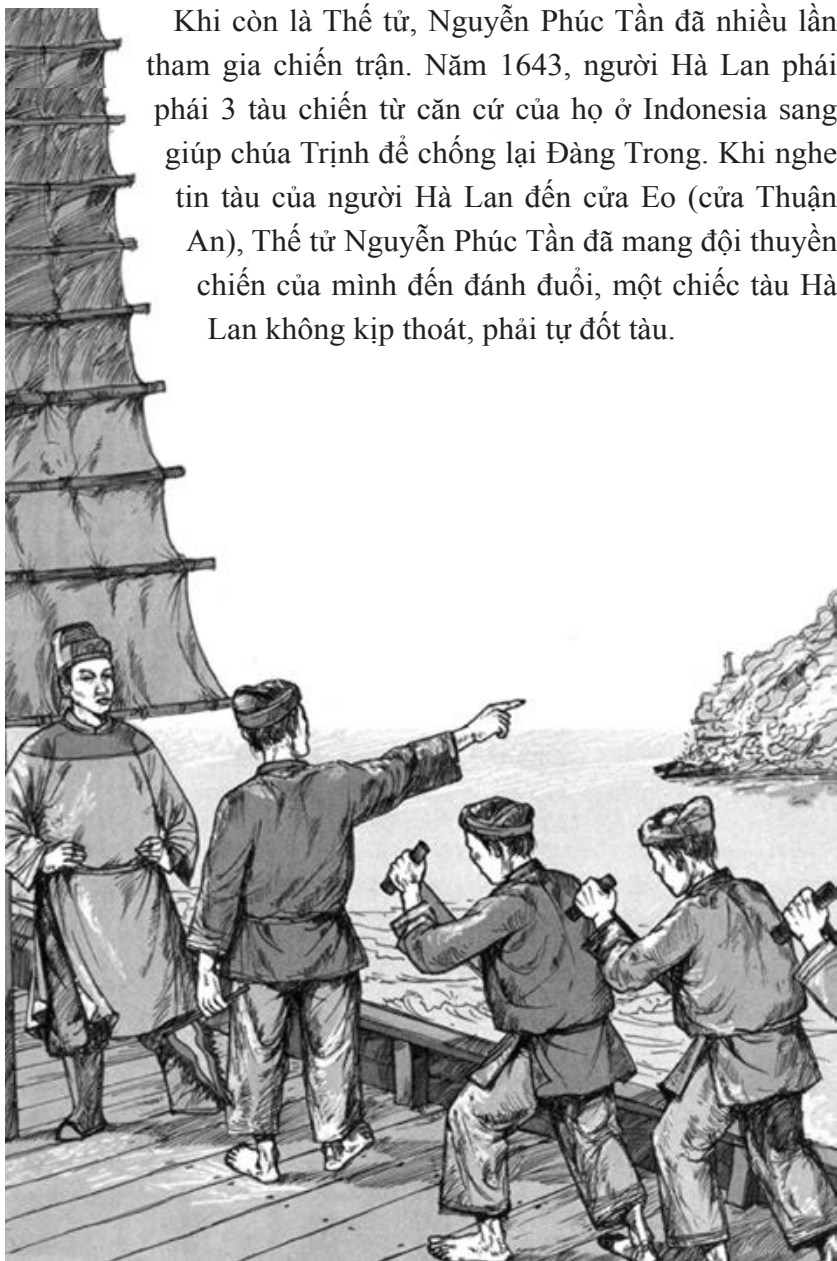
*Nhà xuất bản Trẻ xin trân trọng giới thiệu tập 51 của bộ **Lịch sử Việt Nam bằng tranh**.*

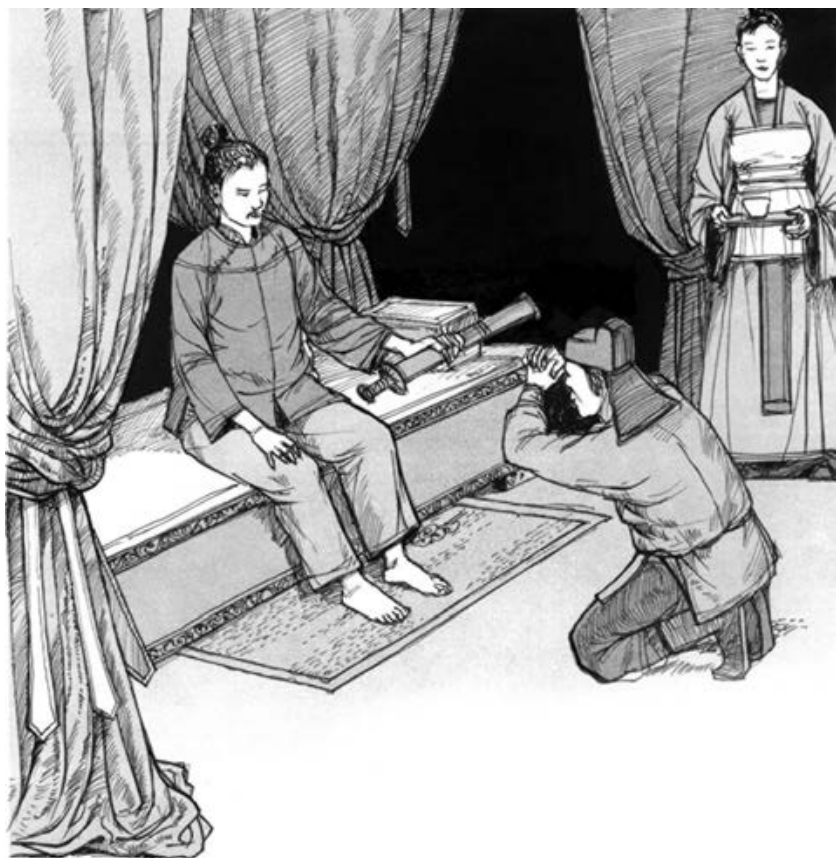
NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Nguyễn Phúc Tần sinh năm Canh Thìn (1620) và là con trai thứ hai của chúa Thượng Nguyễn Phúc Lan. Nổi ngôi chúa năm 29 tuổi, ông đã góp phần mở rộng lãnh thổ nước ta về phương nam, khuyến khích dân khai hoang mở đất, mở mang đường xá, phát triển kinh tế.

Sau khi ông mất, người con thứ là Nguyễn Phúc Trăn (có tài liệu khác ghi là Nguyễn Phúc Thái) lên nối nghiệp, gọi là chúa Nghĩa. Vừa lên ngôi, chúa Nghĩa đã chọn Phú Xuân làm nơi đặt phủ chúa, xác định vị trí kinh đô của họ Nguyễn trong hơn 250 năm và cho cả nước trong gần 1,5 thế kỷ. Năm Tân Mùi (1691), chúa Nghĩa mất, ở ngôi trong thời gian ngắn ngủi chỉ có 4 năm.

Khi còn là Thế tử, Nguyễn Phúc Tần đã nhiều lần tham gia chiến trận. Năm 1643, người Hà Lan phái 3 tàu chiến từ căn cứ của họ ở Indonesia sang giúp chúa Trịnh để chống lại Đàng Trong. Khi nghe tin tàu của người Hà Lan đến cửa Eo (cửa Thuận An), Thế tử Nguyễn Phúc Tần đã mang đội thuyền chiến của mình đến đánh đuổi, một chiếc tàu Hà Lan không kịp thoát, phải tự đốt tàu.





Năm 1642, chúa Trịnh tiến đánh Đàng Trong, chúa Sãi đích thân cầm quân đánh trận. Tuy nhiên, chúa Sãi nhiễm bệnh nên giao binh quyền cho Nguyễn Phúc Tần. Đàng Trong đại thắng, truy kích quân Trịnh tới tận sông Gianh. Trên đường rút quân, chúa Sãi mất, Thế tử Nguyễn Phúc Tần nối ngôi.

Lên ngôi chúa, Nguyễn Phúc Tần quyết tâm đương đầu với họ Trịnh ở Đàng Ngoài. Lo sợ mình bị cám dỗ, lôi cuốn vào việc ăn chơi hưởng thụ mà các vua chúa thường mắc phải, ông tập trung tâm trí vào việc củng cố lực lượng, tăng cường sức mạnh quân sự ở Đàng Trong. Điều này có lúc biến ông thành người nhẩn tâm.



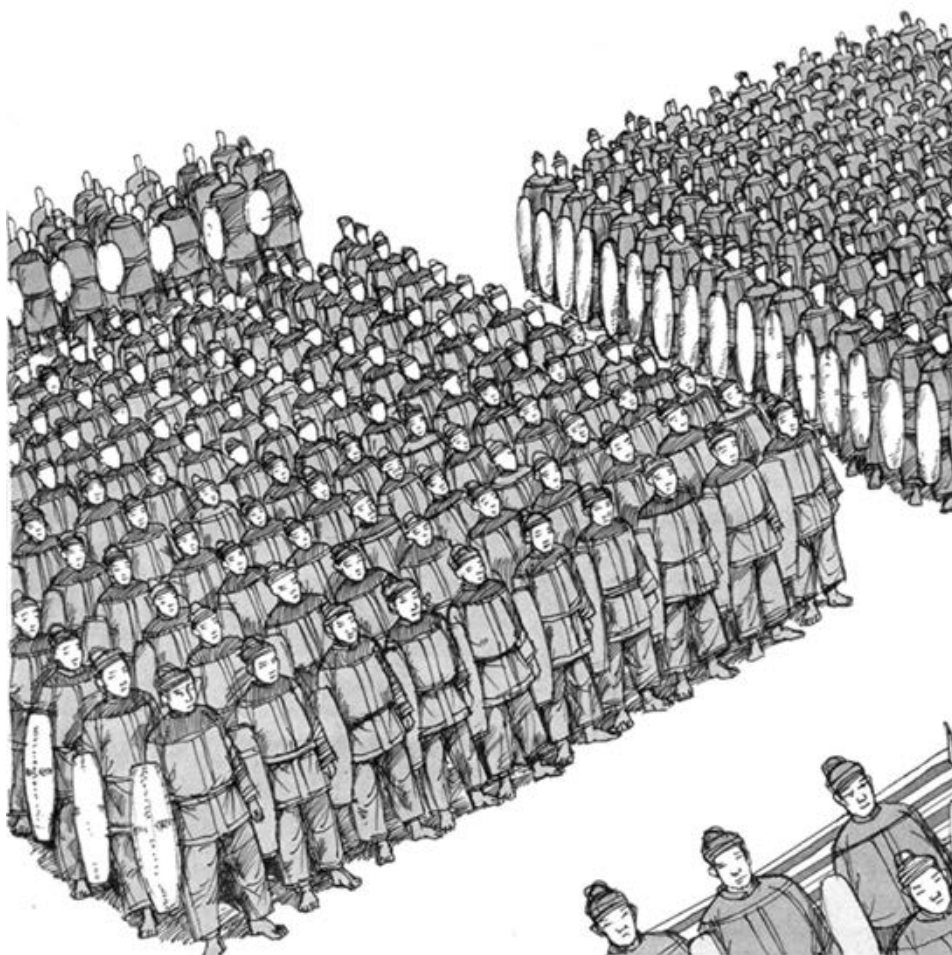


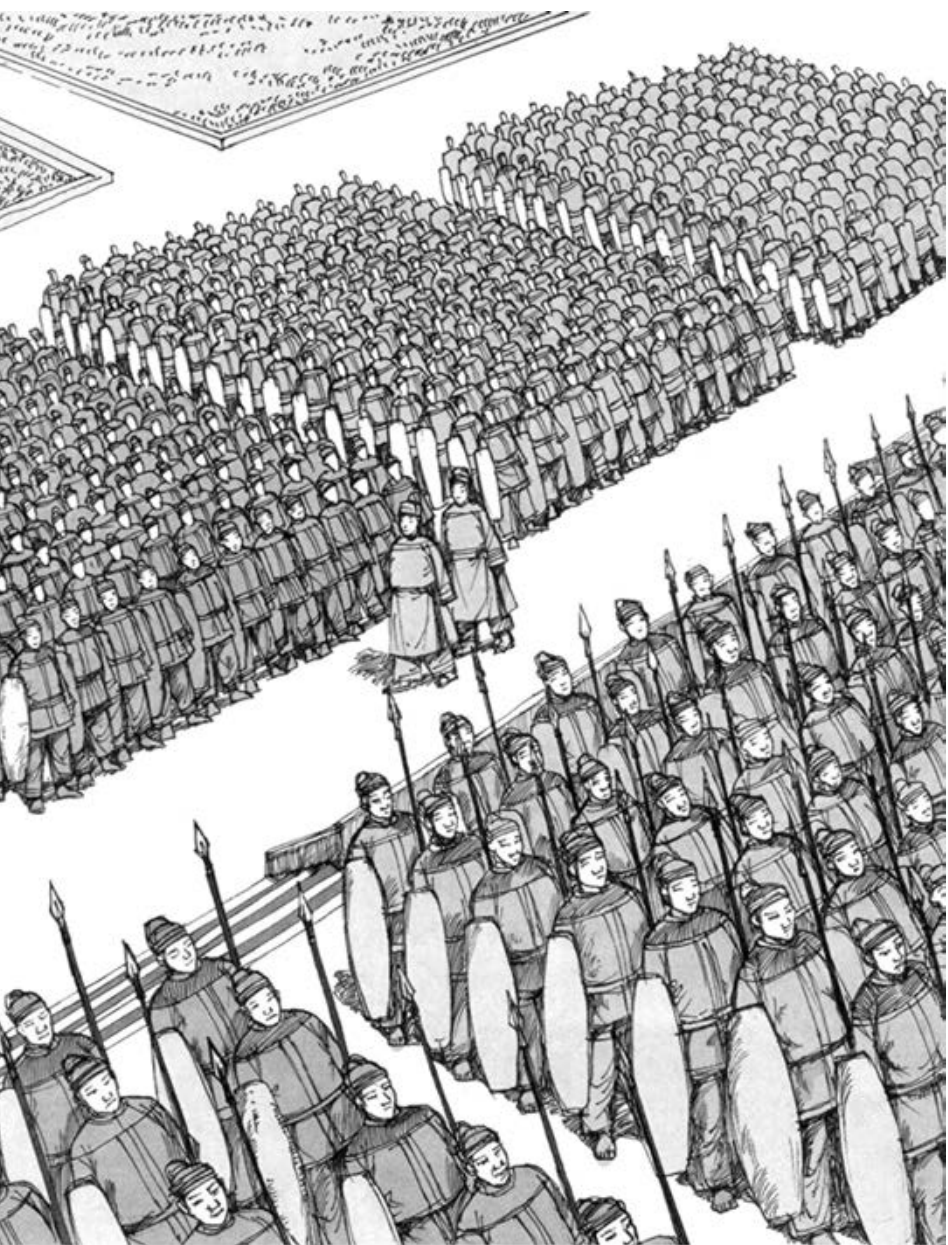
Chúa Hiền có một người cung nữ xinh đẹp tên là Thị Thừa mà chúa rất yêu mến. Nhưng một hôm, khi đọc chuyện vua nước Ngô ở Trung Quốc say đắm Tây Thi nên mất nước, chúa lo sợ mình lại đi vào vết xe đổ của Ngô vương nên sai người giết chết người cung nữ này.

Để nắm tình hình quân đội, chúa Hiền thường tổ chức những cuộc duyệt binh để nắm tình hình quân đội, đánh giá khả năng chiến đấu của binh lính. Năm 1653, chúa tổ chức một cuộc duyệt binh lớn ở An Cựu (gần Huế), kiểm tra khí giới của binh lính. Ai giữ khí giới sắc bén thì được thưởng, cùn thì nghiêm phạt.



Cuộc duyệt binh có quân số lên đến 22 ngàn người. Nhưng đây chỉ là số quân ở Chính dinh vì theo tài liệu người Tây phương ghi lại, bấy giờ, Đàng Trong có đến 40.000 quân. Nếu so với con số vào năm 1615 (dưới thời chúa Nguyễn Phúc Nguyên) là khoảng 3 vạn, ta thấy lực lượng quân sự đã tăng đáng kể.





Chúa cũng quan tâm nhiều đến việc trang bị vũ khí của quân đội. Đàng Trong đã đúc được đại bác, nhất là từ khi người Hà Lan tên Jao da Cruz (Jean de la Croix) giúp chúa Nguyễn. Một người Tây phương đã ghi lại: các “*khẩu đại bác nặng, dài khoảng 6 mét mang huy hiệu Đàng Trong, trông rất đẹp. Các khẩu đại bác này được đúc trong khoảng từ năm 1650 đến 1660*”¹.

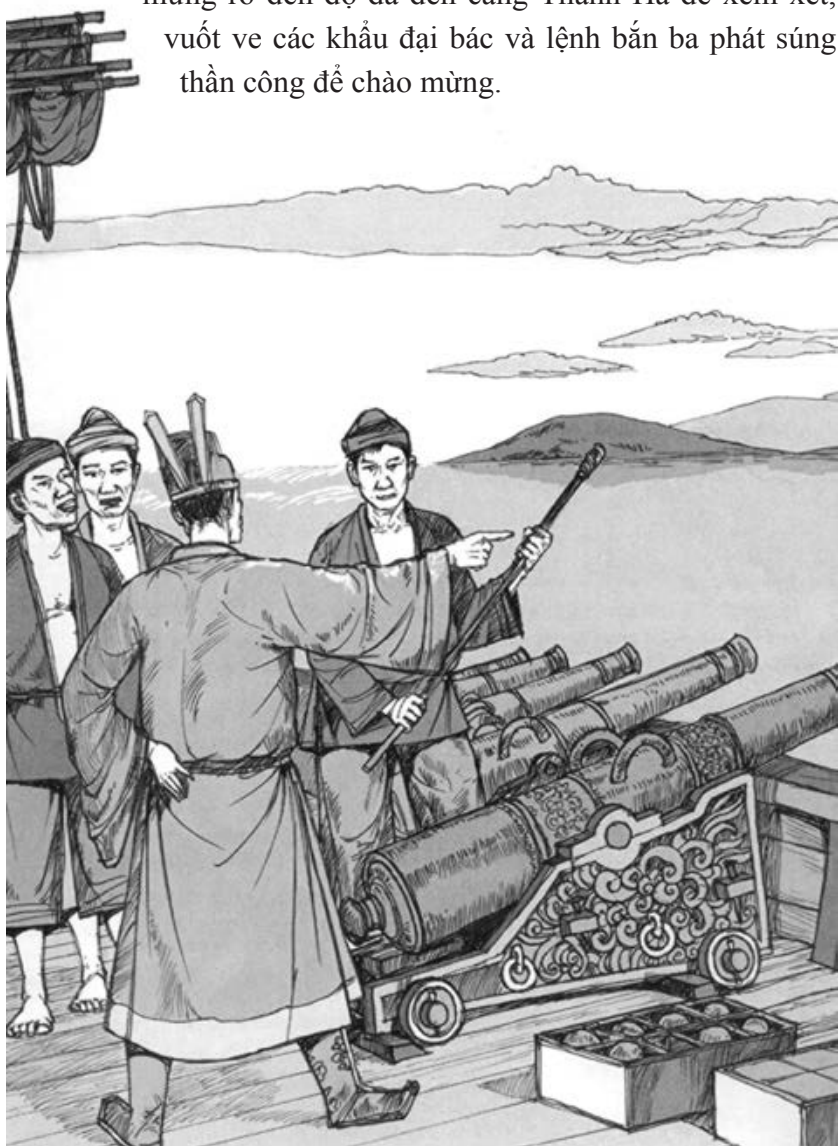
¹ Bài *Description of Cochichina* của Pierre Poivre, trích theo Li Tana, *Xứ Đàng Trong*, Nxb.Trẻ, TP.HCM, 1999, tr. 62-63.





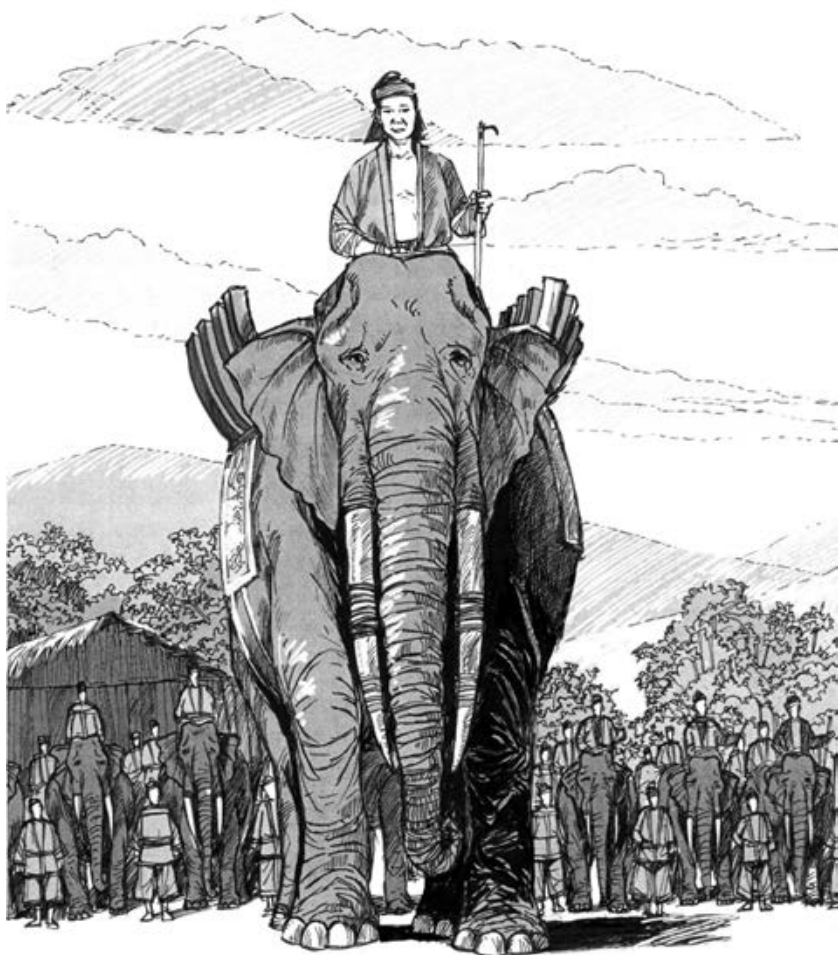
Ngoài ra, chúa Hiền cũng đã nhiều lần tiến hành mua bán vũ khí với người Tây phương. Năm 1651, chúa gửi 3000kg đồng sang Ma Cao nhờ người Bồ đúc súng đại bác. Năm 1658, chúa Hiền đã giao cho Marquez, một thừa sai dòng Tên, mang 10.000 nén bạc sang Ma Cao mua súng.

Đợi mãi ko thấy Marquez về, cho là vị thừa sai này cuỗm mất tiền, chúa rất tức giận. Đúng lúc ấy, tàu từ Ma Cao cập bến. Chúa mừng rỡ đến độ đã đến cảng Thanh Hà để xem xét, vuốt ve các khẩu đại bác và lệnh bắn ba phát súng thần công để chào mừng.



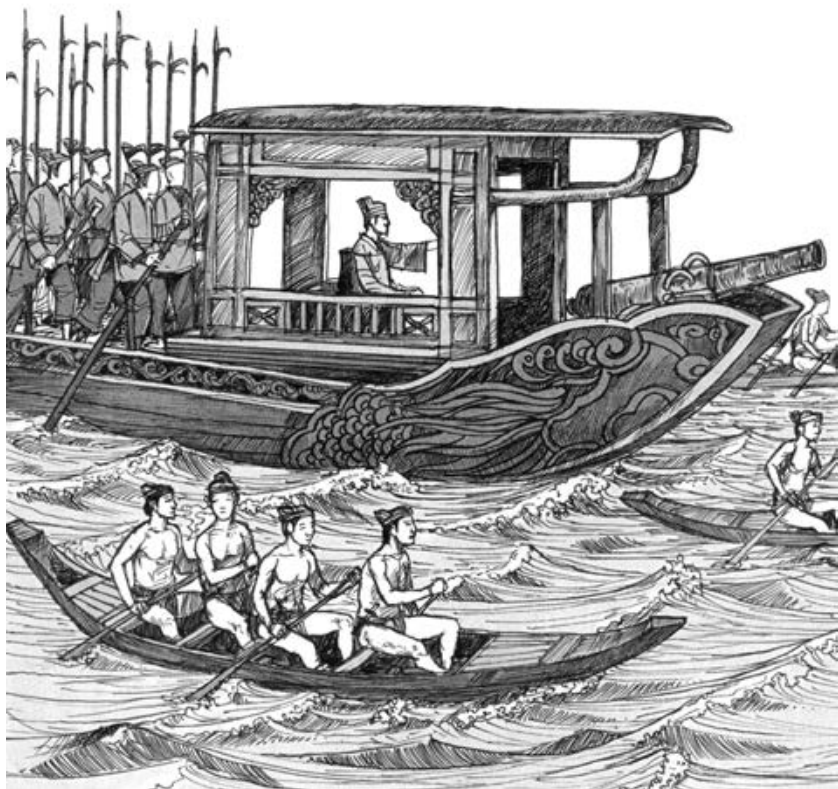


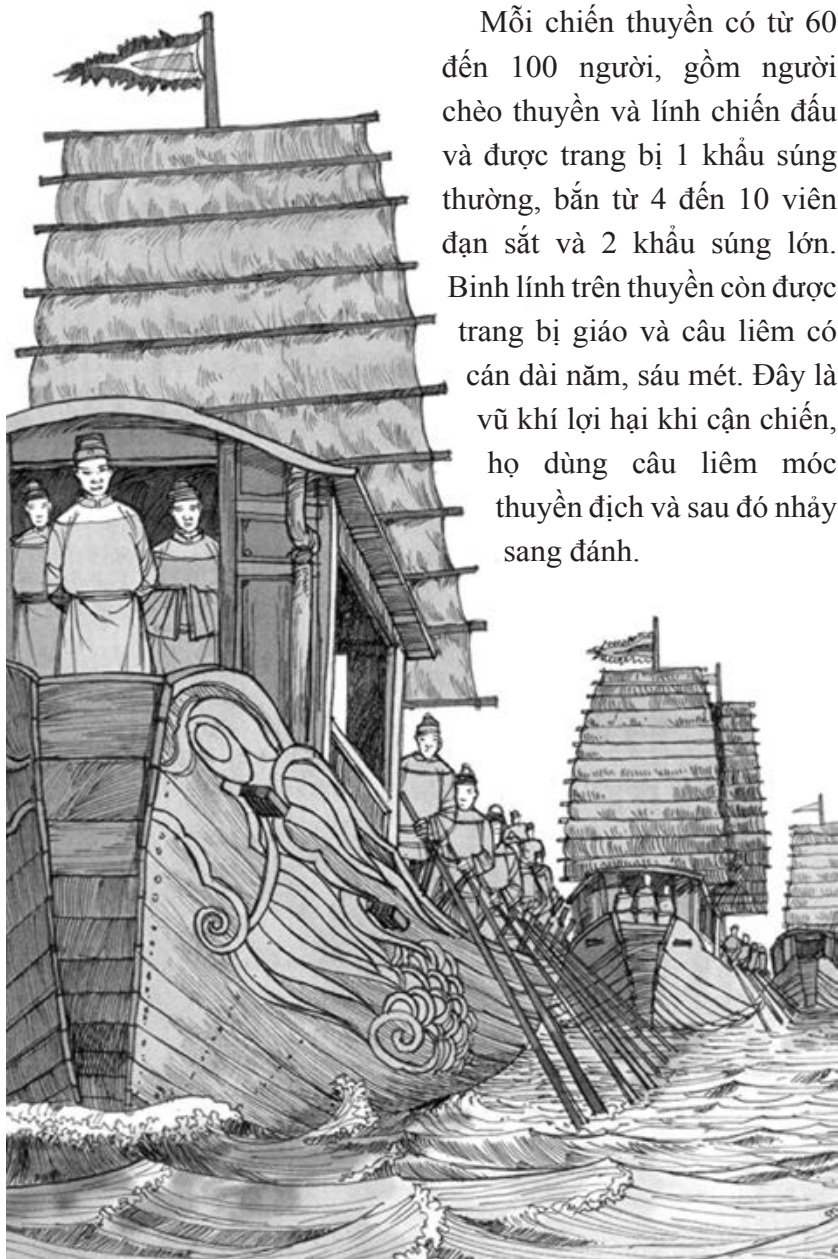
Chúa Hiền bắt buộc quân lính thường xuyên luyện tập sử dụng vũ khí, thi bắn. Chúa lệnh cho các quan văn và các quan làm việc ở trong phủ chúa cũng phải luyện tập cưỡi ngựa và bắn cung. Một người Tây phương có nhận xét về khả năng bắn súng của quân lính Đàng Trong: “Người Đàng Trong bây giờ đã thành thạo trong việc sử dụng [súng] đến độ họ đã vượt cả người Âu châu chúng ta. Hàng ngày họ tập bắn...”.



Bên cạnh đó, các chúa Nguyễn (và cả các chúa Trịnh) đều có lực lượng tượng binh hùng mạnh. Theo ghi chép của người Hà Lan, vào khoảng lúc chúa Hiền mới lên ngôi, số voi chiến của Đàng Trong lên đến 600 con. Năm 1672, khi nghe tin quân Trịnh tiến đánh Đàng Trong, chúa Hiền cho điều động ngay 5 cơ voi với 150 voi chiến ra tuyển đầu để phối hợp cùng các lực lượng khác.

Chúa Nguyễn Phúc Tần cũng được thừa hưởng một lực lượng thủy quân hùng mạnh. Khi ông còn là Thế tử cũng đã chỉ huy lực lượng thủy quân đánh thắng các tàu Hà Lan. Số lượng thuyền chiến của Đàng Trong có vào thời chúa Hiền có thể khoảng 200 trăm chiếc. Trong khi đó, người Hà Lan cho rằng vào năm 1642, chúa Nguyễn có 230-240 chiến thuyền.



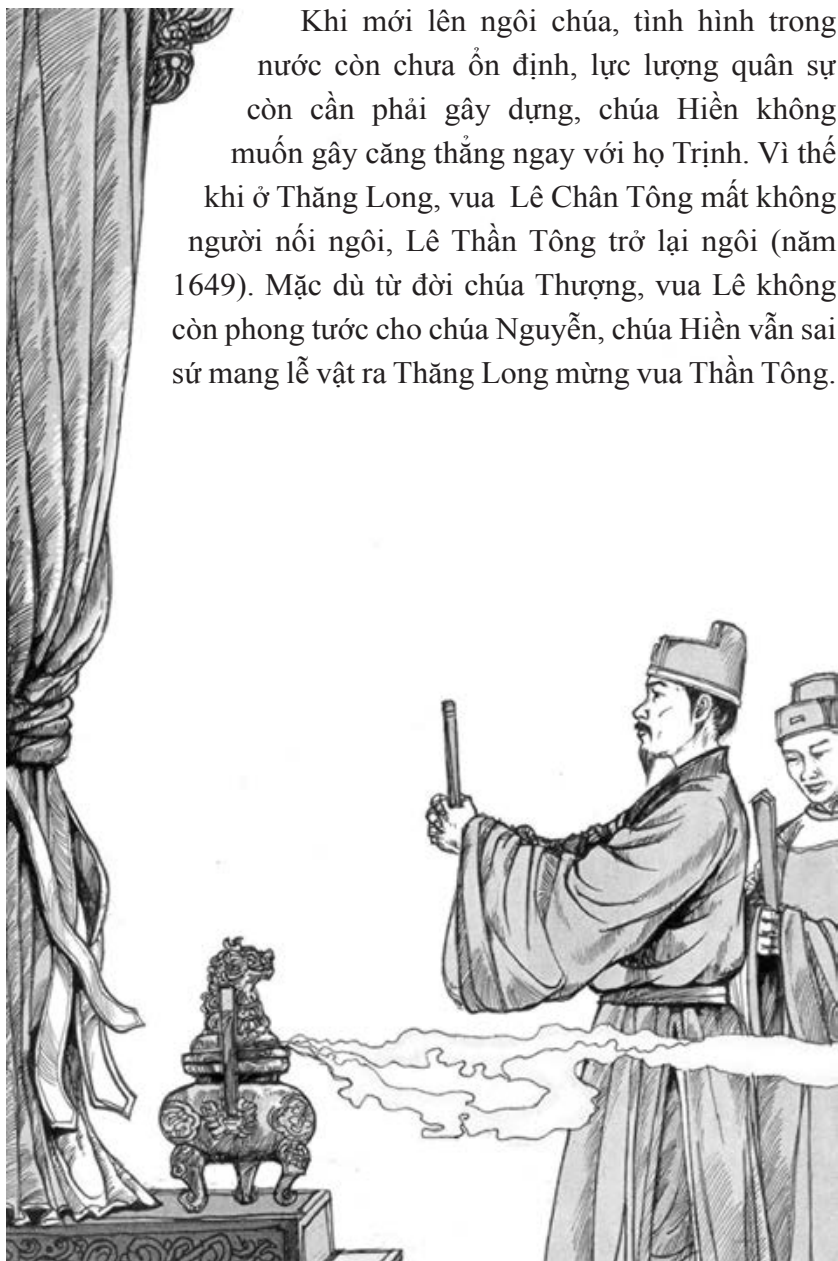


Mỗi chiến thuyền có từ 60 đến 100 người, gồm người chèo thuyền và lính chiến đấu và được trang bị 1 khẩu súng thường, bắn từ 4 đến 10 viên đạn sắt và 2 khẩu súng lớn. Binh lính trên thuyền còn được trang bị giáo và câu liêm có cán dài năm, sáu mét. Đây là vũ khí lợi hại khi cận chiến, họ dùng câu liêm móc thuyền địch và sau đó nhảy sang đánh.



Ngoài ra, để việc thông tin chiến sự được nhanh chóng, chúa theo kế của Nguyễn Hữu Dật, cho đặt các đồn hỏa hiệu ở các cửa biển Quảng Bình để khi hữu sự thì đốt lửa làm hiệu (1655). Các đồn sau theo hiệu lửa tiếp tục báo tin về kinh đô.

Khi mới lên ngôi chúa, tình hình trong nước còn chưa ổn định, lực lượng quân sự còn cần phải gây dựng, chúa Hiền không muốn gây căng thẳng ngay với họ Trịnh. Vì thế khi ở Thăng Long, vua Lê Chân Tông mất không người nối ngôi, Lê Thần Tông trở lại ngôi (năm 1649). Mặc dù từ đời chúa Thượng, vua Lê không còn phong tước cho chúa Nguyễn, chúa Hiền vẫn sai sứ mang lễ vật ra Thăng Long mừng vua Thần Tông.





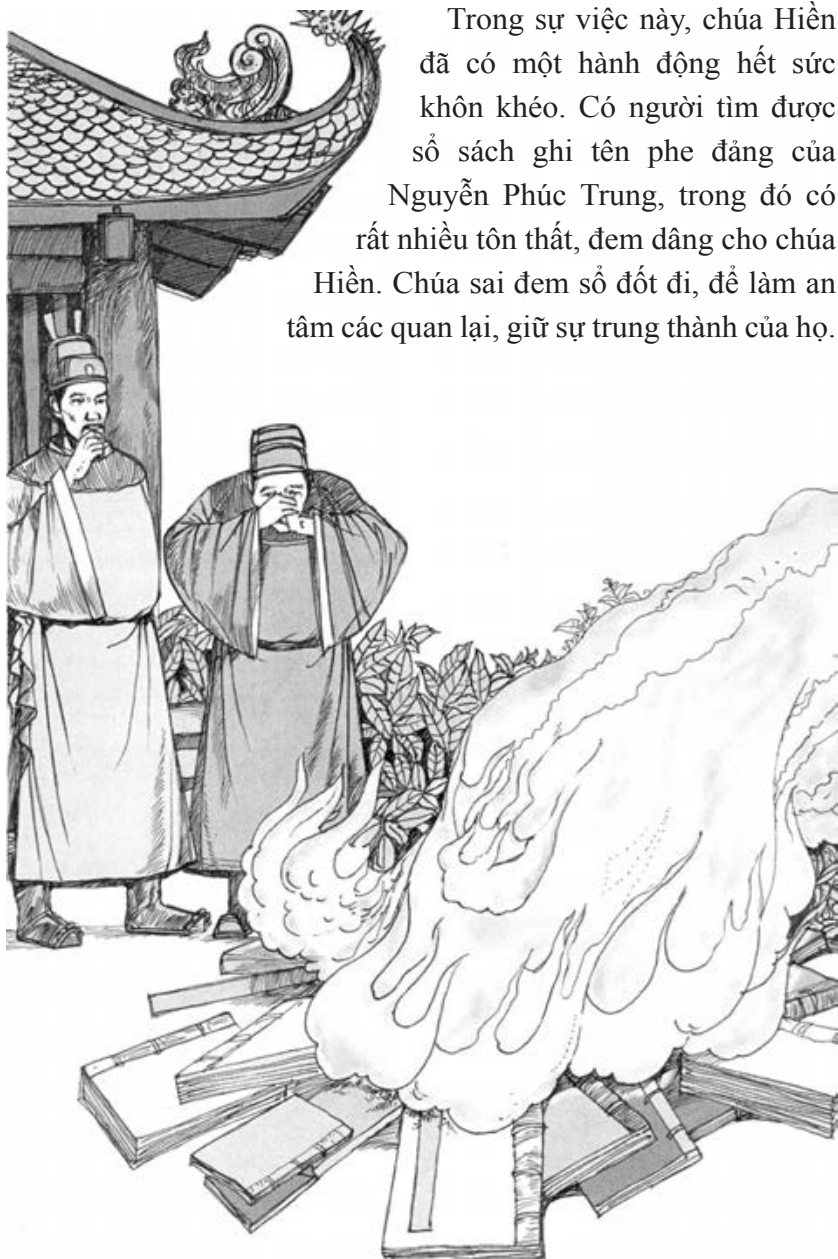
Tình hình nội bộ Đàng Trong còn bị bất ổn với âm mưu cướp ngôi của Chưởng cơ Nguyễn Phúc Trung (em của chúa Thượng). Trước kia chúa Thượng say mê nhan sắc của Tống thị. Chưởng cơ Nguyễn Phúc Trung – em trai chúa Thượng mưu giết Tống thị để trừ hậu họa. Tống thị hay tin, nhờ cha liên lạc xin chúa Trịnh giúp và việc này đưa đến cuộc chiến Trịnh - Nguyễn năm 1648.

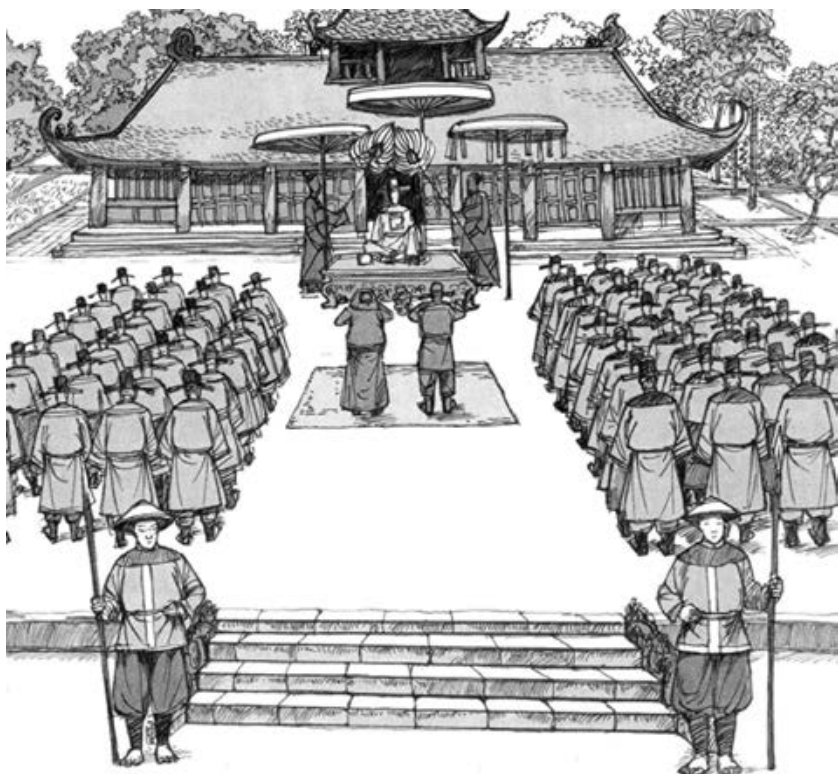


Mấy năm sau (1654), Tống thị dùng nhan sắc và sự khéo léo của mình lung lạc Nguyễn Phúc Trung, xui Trung cướp ngôi chúa. Nguyễn Phúc Trung nghe theo, cố gắng xây dựng lực lượng và chuẩn bị đem quân tập kích phủ chúa. Tuy nhiên âm mưu này bị phát giác. Nguyễn Phúc Trung bị bắt giam và sau đó chết trong ngục.



Trong sự việc này, chúa Hiền đã có một hành động hết sức khôn khéo. Có người tìm được sổ sách ghi tên phe đảng của Nguyễn Phúc Trung, trong đó có rất nhiều tôn thất, đem dâng cho chúa Hiền. Chúa sai đem sổ đốt đi, để làm an tâm các quan lại, giữ sự trung thành của họ.





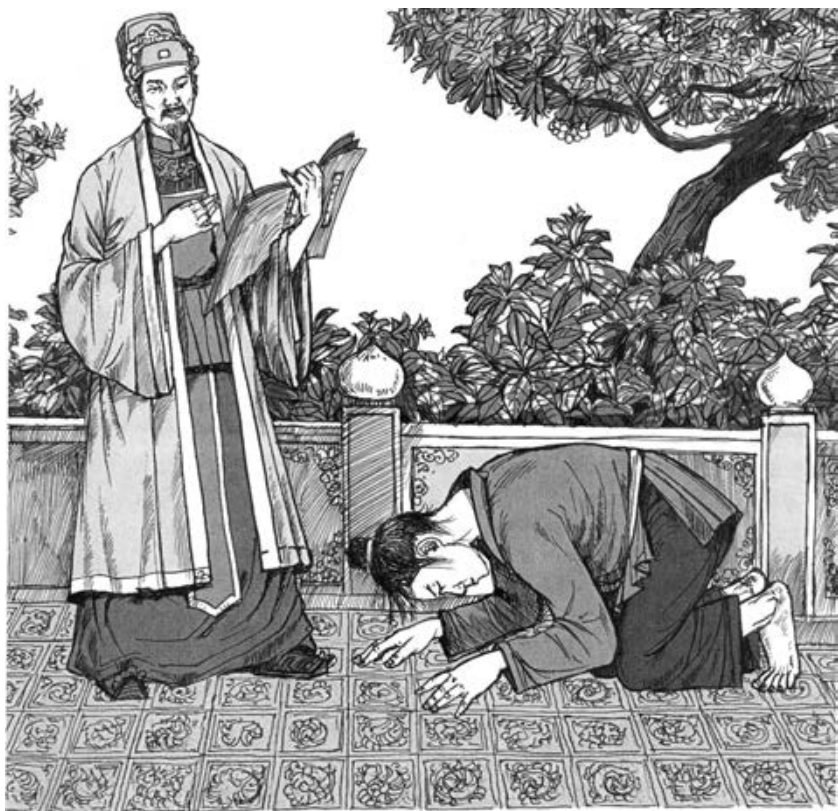
Sau nhiều năm chuẩn bị, lực lượng quân sự của Đàng Trong đã hùng mạnh, chúa Hiền nghĩ tới việc đem quân chinh phạt họ Trịnh. Chúa dẫn đo tìm người có tài thao lược để giao cho việc thống lĩnh quân sĩ. Cuối cùng quyết định giao cho Nguyễn Hữu Tiến và Nguyễn Hữu Dật. Về việc chọn tướng này, có giai thoại kể rằng trong lúc còn đang phân vân thì chúa nằm mộng thấy có thần nhân cho ông một bài thơ trong đó có nhắc đến tước hiệu của hai tướng này. Vì thế, chúa quyết định giao việc cầm quân cho họ.

Nguyễn Hữu Tiến có tài cầm quân còn Nguyễn Hữu Dật là tướng tài lại đa mưu túc trí, từng có nhiều công trạng trong việc đối phó với Đàng Ngoài. Tuy nhiên có lần Hữu Dật bị hạ ngục. Đó là vào năm 1650, khi đang giữ chức Ký lục dinh Bồ Chính, vùng đất tiếp giáp với Đàng Ngoài. Nguyễn Hữu Dật lập mưu gây tình hình rối loạn trong quân Trịnh. Ông sai tướng sĩ ăn mặc, mang cờ xí như quân Trịnh len lỏi vào vùng đất do quân Trịnh kiểm soát. Đồng thời ông viết thư cho tướng Trịnh giả xin hàng, ước hẹn làm nội ứng. Nếu tướng Trịnh mắc kế mang quân vào thì sẽ bị quân Nguyễn diệt.



Ông tự mình tiến hành công việc mà không có lệnh của chúa Nguyễn Phúc Tần hay bàn bạc với các tướng Nguyễn ở Bồ Chính. Thế nhưng việc chưa có kết quả thì Tham tướng Tôn Thất Tráng, vốn thù ghét Hữu Dật biết được, gièm pha với chúa Nguyễn là Nguyễn Hữu Dật âm mưu làm phản và trở về Bắc với quân Trịnh.





Chúa Hiền liền cho bắt giam Hữu Dật. Trong ngục, Nguyễn Hữu Dật viết tập truyện *Hoa Vân cáo thị* để giải bày chí hướng phò tá chúa Nguyễn của mình và nhờ cai ngục tìm cách dâng lên cho chúa Hiền. Chúa Hiền xem xong hiểu được tấm lòng của Nguyễn Hữu Dật nên tha tội và tiếp tục cho làm quan ở Chính dinh.



Đầu năm 1655, tướng Trịnh là Trịnh Đào sai quân đến cướp phá ở vùng nam sông Gianh. Chúa Hiền quyết định khởi binh đánh Trịnh.

Nguyễn Hữu Dật đến Nam Bố Chính xem xét để nắm tình hình địch. Ông lập các đài hỏa hiệu ở các cửa biển Quảng Bình để việc thông tin được nhanh chóng, lập kho lương ở Trường Dục, các dinh Quảng Bình, Bố Chính để tích trữ sẵn lương thực, quân nhu.





Năm 1655, Nguyễn Hữu Tiến và Nguyễn Hữu Dật mang đại binh, vượt sông Gianh đánh vào Bắc Bó Chính. Đây là cuộc chiến lớn thứ năm trong bảy lần Trịnh - Nguyễn chạm trán lớn và cũng là lần duy nhất quân Nguyễn tấn công trước.

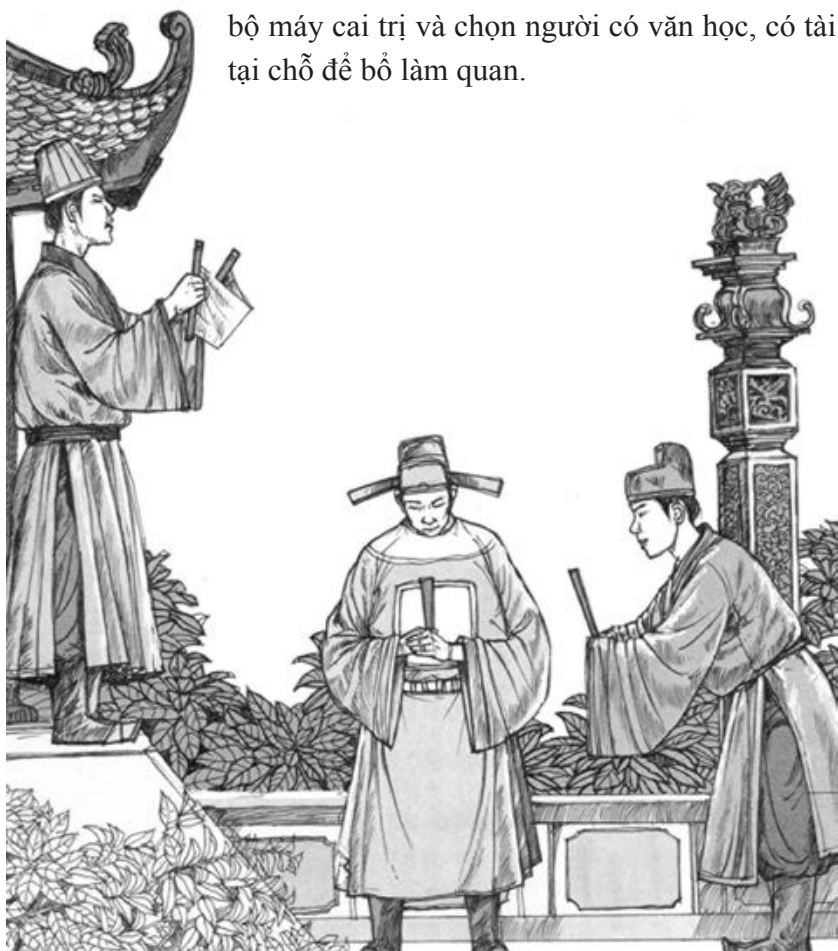
Trong cuộc chiến lần này, Nguyễn Hữu Dật hiến nhiều mưu kế giúp quân Nguyễn đánh thắng nhiều trận. Quân Nguyễn đánh chiếm Hà Trung, căn cứ chính của lực lượng chúa Trịnh và sau đó đẩy lùi quân Trịnh về cố thủ ở An Trường¹ ở phía bắc sông Lam (sông Cả).

¹ Nay thuộc Nghệ An.

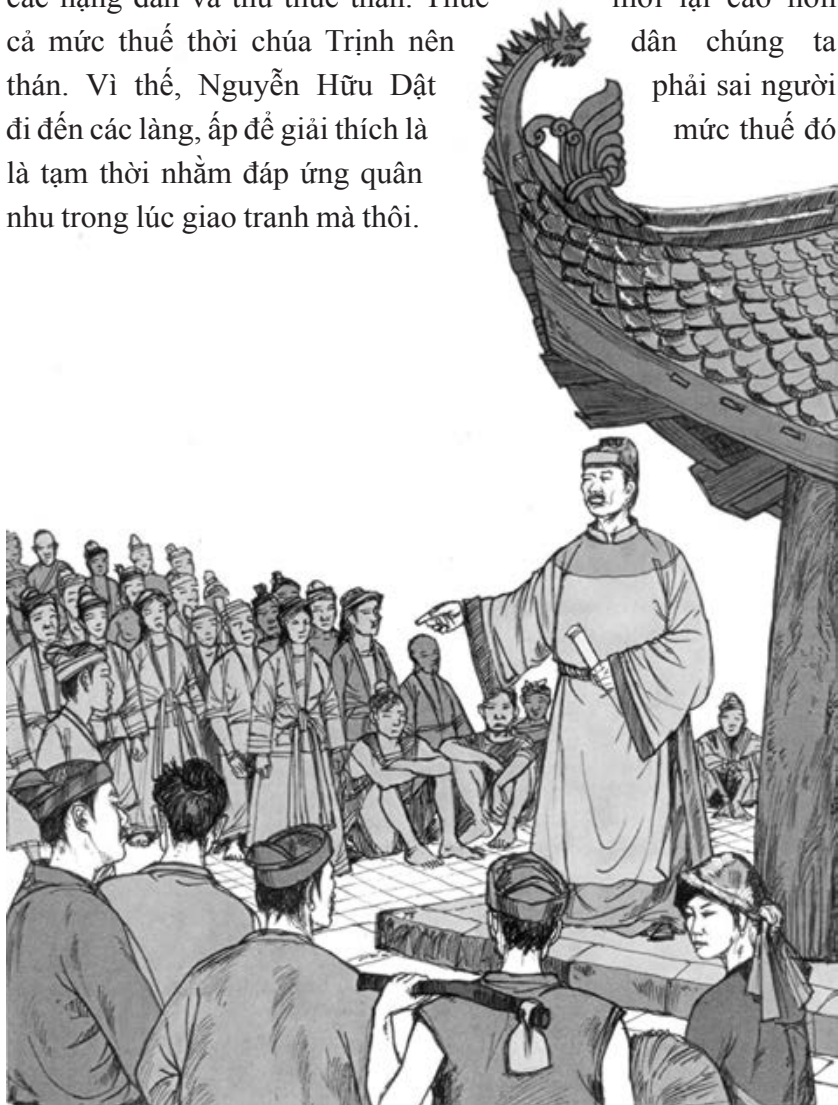


Nguyễn Hữu Dật nhiều lần làm kế ly gián, gây hiềm khích trong hàng ngũ quân Trịnh, làm chúa Trịnh nghi ngờ lòng trung thành của các tướng. Trong hơn 5 tháng, quân Nguyễn chiếm được một vùng đất rộng lớn của họ Trịnh gồm Bắc Bố Chính và 7 huyện ở phía nam sông Lam. Trịnh Tráng phải sai con là Trịnh Tạc đem đại quân vào An Trường để chống cự.

Trên vùng đất chiếm được, chúa Hiền tổ chức bộ máy cai trị và chọn người có văn học, có tài tại chỗ để bổ làm quan.



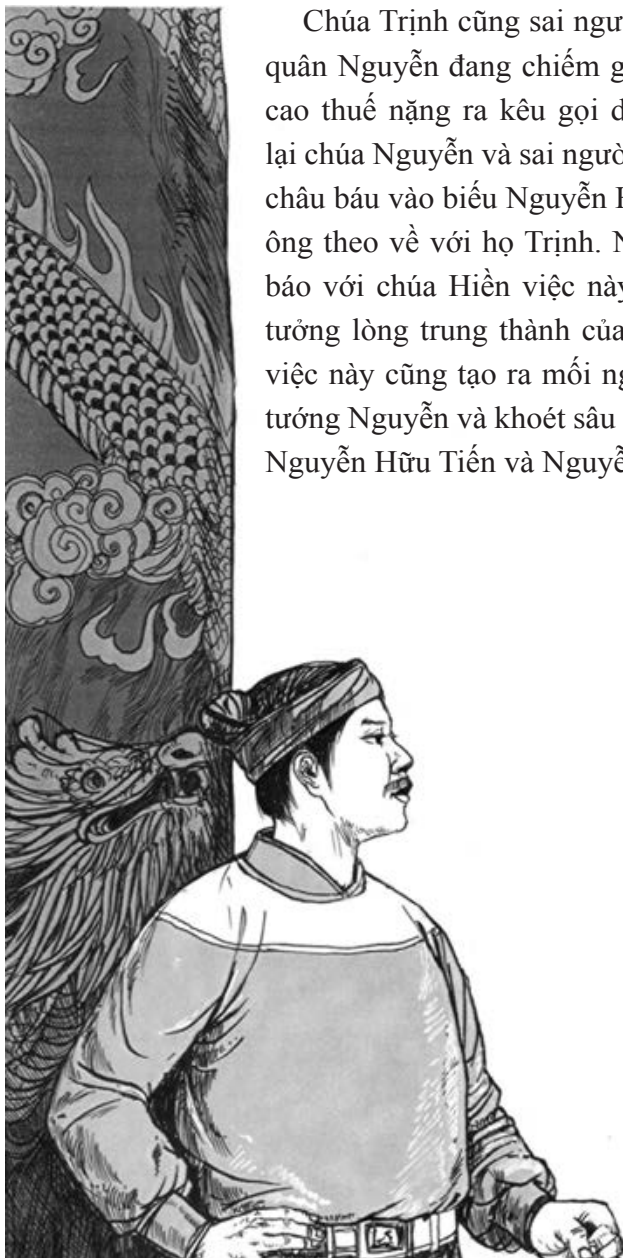
Việc vận chuyển quân lương đến cho quân lính ở vùng đất mới chiếm được gặp nhiều khó khăn vì xa xôi và đường xá không thuận tiện. Để có nguồn cung tại chỗ, chúa Hiền cho lập sổ sách các hạng dân và thu thuế thân. Thuế mới lại cao hơn cả mức thuế thời chúa Trịnh nên dân chúng ta phải sai người đi đến các làng, ấp để giải thích là tạm thời nhằm đáp ứng quân nhu trong lúc giao tranh mà thôi. mức thuế đó





Quân Nguyễn, theo kế của Nguyễn Hữu Dật, cho người mang mật thư ra Đàng Ngoài kêu gọi những người ở Đàng Ngoài nổi lên chống Trịnh. Mạc Kính Hoàn ở Cao Bằng và nhiều sĩ phu, quan lại ở Hải Dương, Sơn Tây, Lạng Sơn, Cao Bằng hưởng ứng, hẹn sẽ nổi dậy khi quân Nguyễn đánh ra Bắc.

Chúa Trịnh cũng sai người sang vùng đất quân Nguyễn đang chiếm giữ đem việc sưu cao thuế nặng ra kêu gọi dân chúng chống lại chúa Nguyễn và sai người mang vàng bạc châu báu vào biếu Nguyễn Hữu Dật, kêu gọi ông theo về với họ Trịnh. Nguyễn Hữu Dật báo với chúa Hiền việc này. Chúa Hiền tin tưởng lòng trung thành của ông. Tuy nhiên việc này cũng tạo ra mối nghi ngờ giữa các tướng Nguyễn và khoét sâu mối bất hòa giữa Nguyễn Hữu Tiến và Nguyễn Hữu Dật.



Năm 1660, quân Trịnh - Nguyễn giao tranh quyết liệt ở vùng sông Gianh. Nguyễn Hữu Tiến có ý muốn rút quân về vì thấy quân lính sau thời gian dài chinh chiến xa nay muốn trở về, lại thêm số quân lính Đàng Ngoài theo hàng không thể hoàn toàn tin tưởng được. Tuy nhiên ý kiến này không được Nguyễn Hữu Dật tán thành.

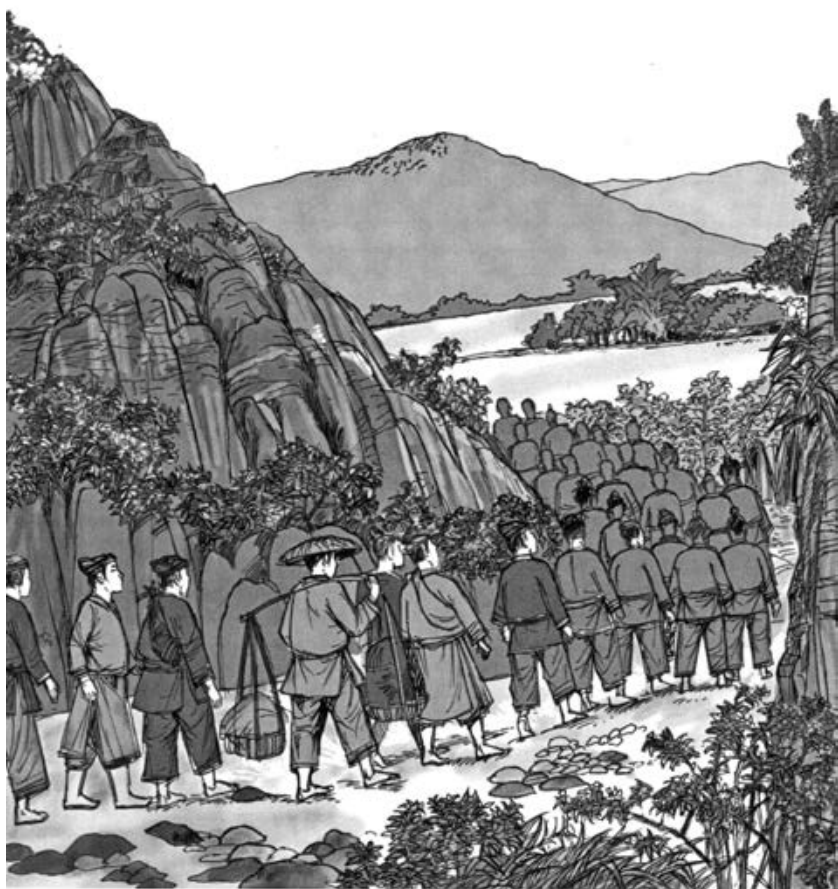


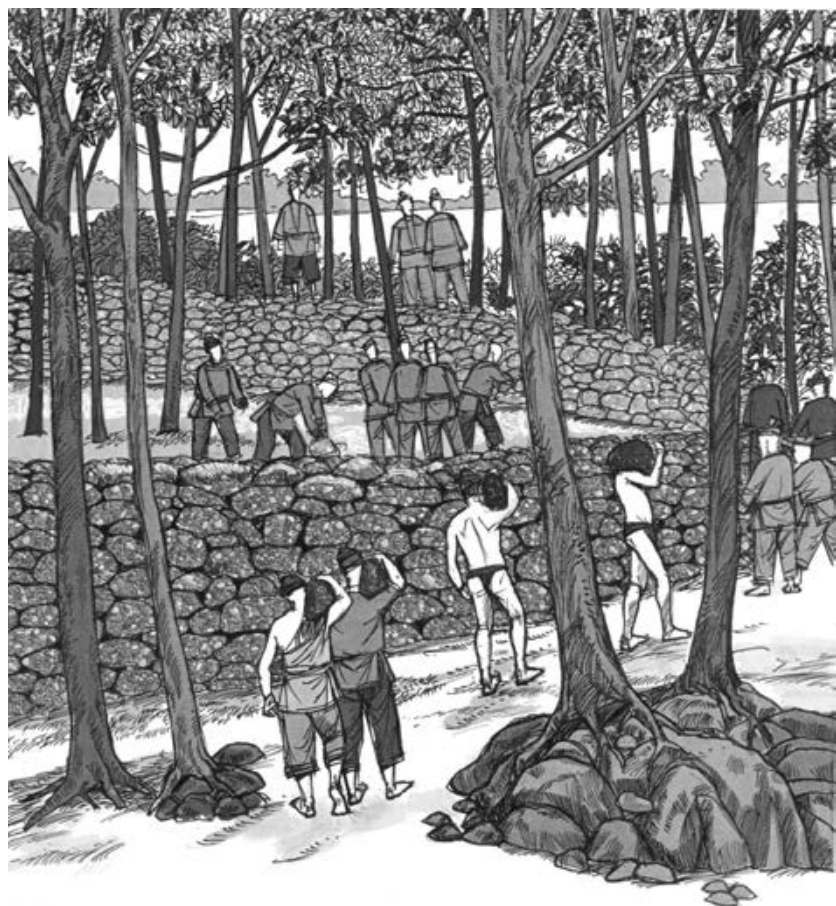


Cuối năm này, quân Trịnh mở cuộc tấn công, Nguyễn Hữu Tiển bí mật cho quân rút về mà không cho Nguyễn Hữu Dật biết. Khi Hữu Dật hay tin thì quân Trịnh đã đến gần. Hữu Dật phải dùng mưu khiến quân Trịnh sinh nghi không dám tiến đánh ngay và cho quân rút đi. Quân Nguyễn rút về nam sông Gianh đóng giữ những nơi hiểm yếu để phòng ngự. Quân Trịnh cũng lui về. Từ đó, vùng đất Bắc Bộ Chính lại trở về Đàng Ngoài.



Trong trận này, có lần quân Nguyễn đánh ra các huyện ở Nghệ An, khi rút về đã bắt theo một số dân địa phương. Chúa Nguyễn đưa họ vào sinh sống, khai phá vùng đất Qui Nhơn. Trong số những người đó có tổ tiên của ba anh em nhà Tây Sơn sau này.

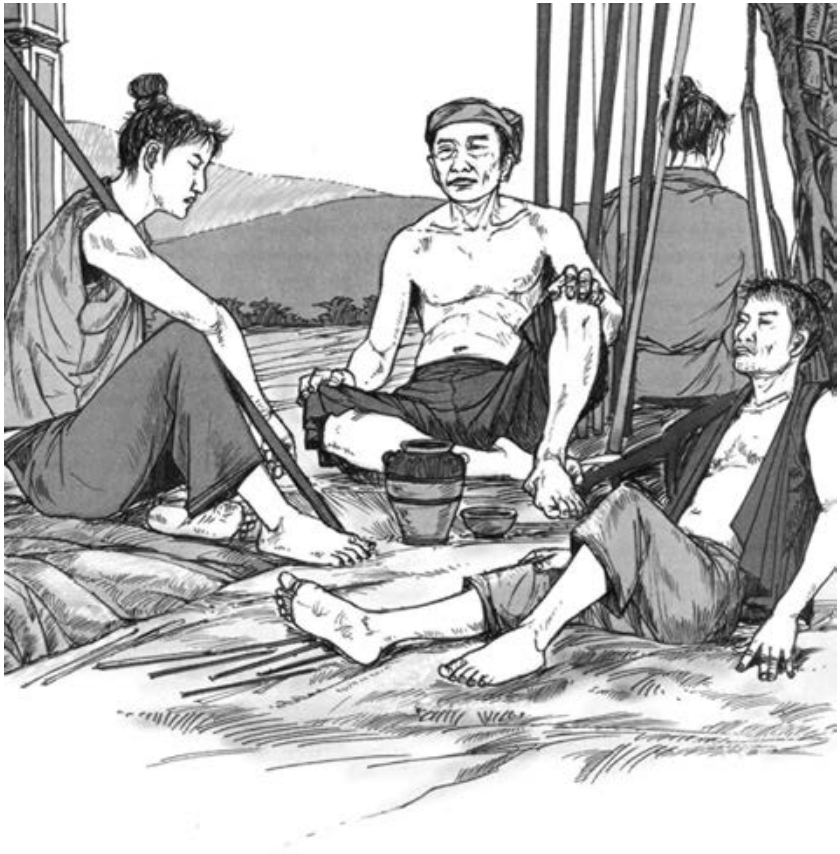




Sau khi quân Nguyễn rút về nam sông Gianh, chúa Hiền cử Nguyễn Hữu Dật làm Chương cơ, trấn thủ dinh Bố Chính. Nguyễn Hữu Dật tích cực lo việc phòng thủ, sửa sang lại thành lũy. Mùa thu năm 1661, chúa Hiền sai Nguyễn Hữu Dật đắp nối tiếp thêm lũy Động Hôi (lũy Nhật Lệ) từ cửa An Náu đến núi Chu Thị (gọi là lũy An Náu), dựng pháo đài và mở mang đường xá để việc vận chuyển quân lương được dễ dàng.

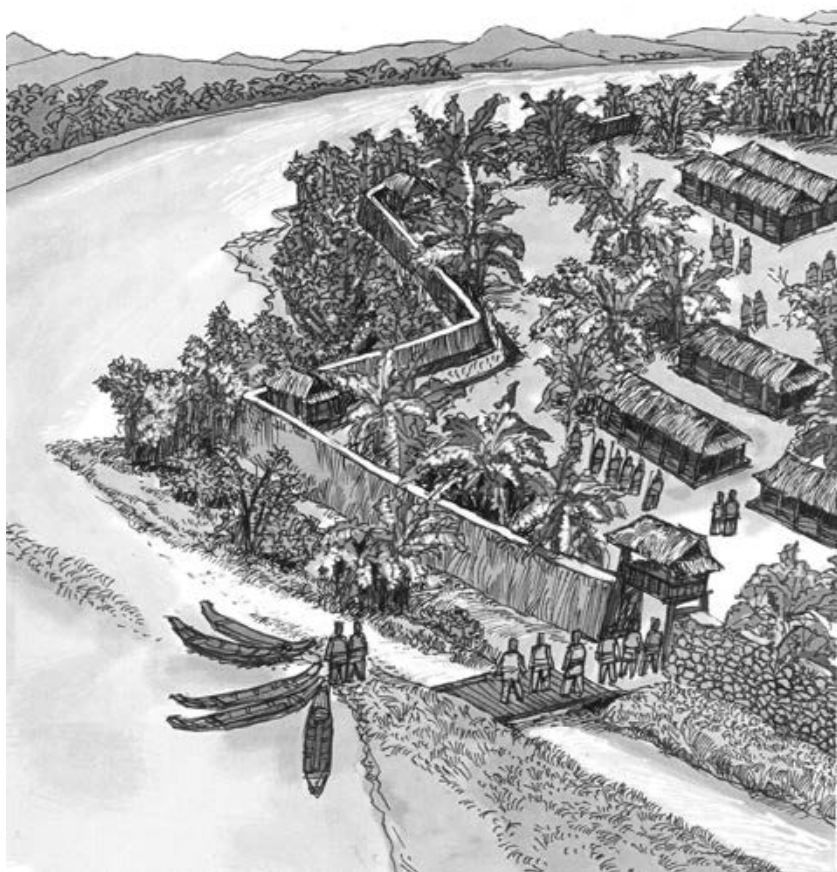
Cuối năm 1661, chúa Trịnh Tạc lại đem quân vào đánh Đàng Trong (trận chiến thứ 6). Quân Nguyễn chống giữ ở lũy An Náu. Để gây thêm khó khăn cho quân Trịnh trong việc cung cấp lương thực, chúa Hiền cho áp dụng chiến thuật *vườn không nhà trống*. Chúa sai rút quân và dời tất cả dân chúng vào trong lũy Nhật Lệ trú ẩn, không để lại gì để quân Trịnh lấy làm lương thực.





Quân Nguyễn chỉ cố thủ trong lũy không giao tranh dù nhiều lần quân Trịnh khiêu chiến. Đúng như dự tính của chúa Nguyễn, mấy tháng sau, quân Trịnh ngày càng gặp khó khăn vì lương thực cạn dần, binh lính mệt mỏi. Trong tình thế đó, Trịnh Tạc đành phải rút quân về [1662].

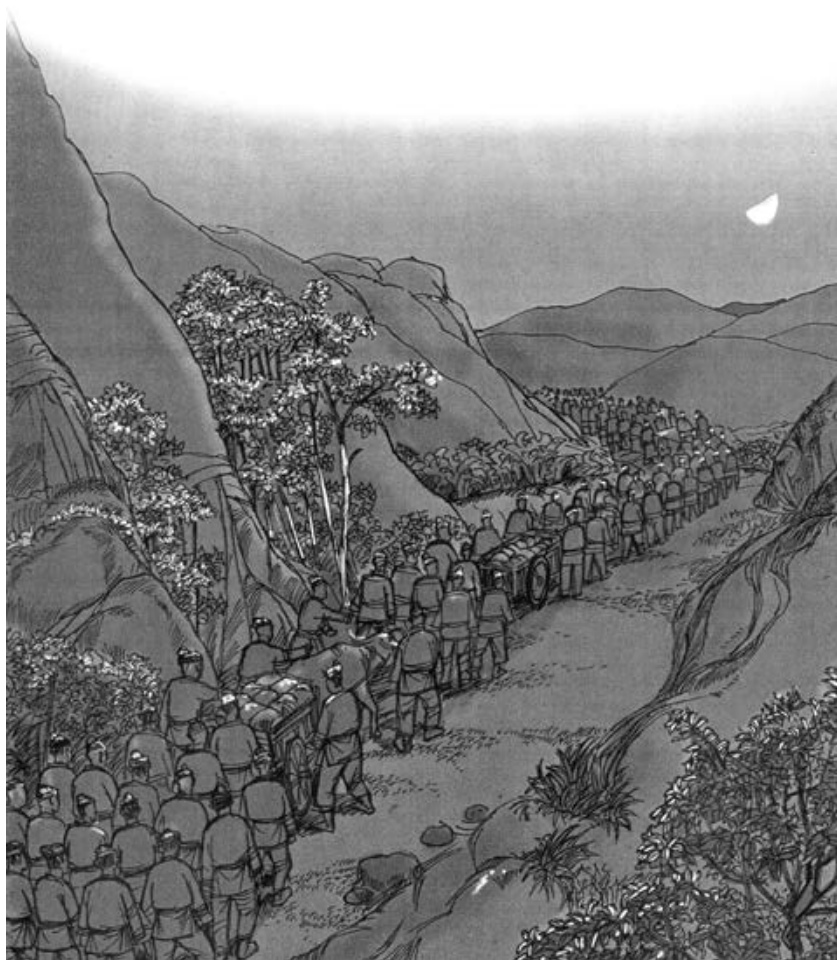
Cho tới lúc đó, các chúa Nguyễn, dựa vào địa hình tự nhiên và các con sông, đã cho xây dựng hệ thống phòng thủ ở vùng đất Nam Bố Chính, địa đầu tiếp giáp với Đàng Ngoài với nhiều lũy lớn: lũy Trường Dục (đắp năm 1630), lũy Nhật Lệ (1631), lũy Trường Sa (1634). Nhờ hệ thống phòng thủ kiên cố này mà quân Nguyễn có thể chống cự, đẩy lùi quân Trịnh, dù lực lượng Đàng Ngoài đông hơn gấp bội.



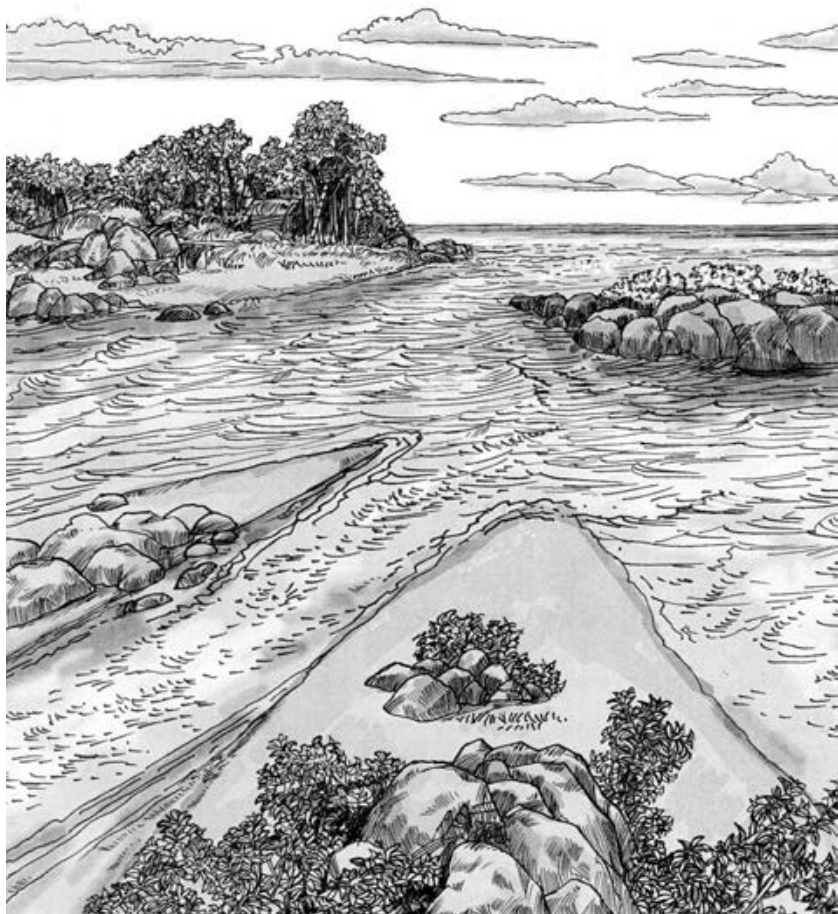
Cuối năm 1662, chúa Hiền cho đắp thêm lũy Trấn Ninh để việc phòng thủ ở cửa sông Nhật Lệ thêm vững chắc. Trước đây, chắn ngang dọc bờ phía nam bờ sông này đã có lũy Nhật Lệ nhưng dải đất phía bắc bờ sông vẫn còn trống trải. Nguyễn Hữu Dật tích cực đốc thúc dân binh đắp lũy mới nằm ở bờ bắc sông Nhật Lệ, nối tiếp lũy Nhật Lệ ra đến biển. Do vậy, lũy được hoàn thành chỉ trong vài tháng.

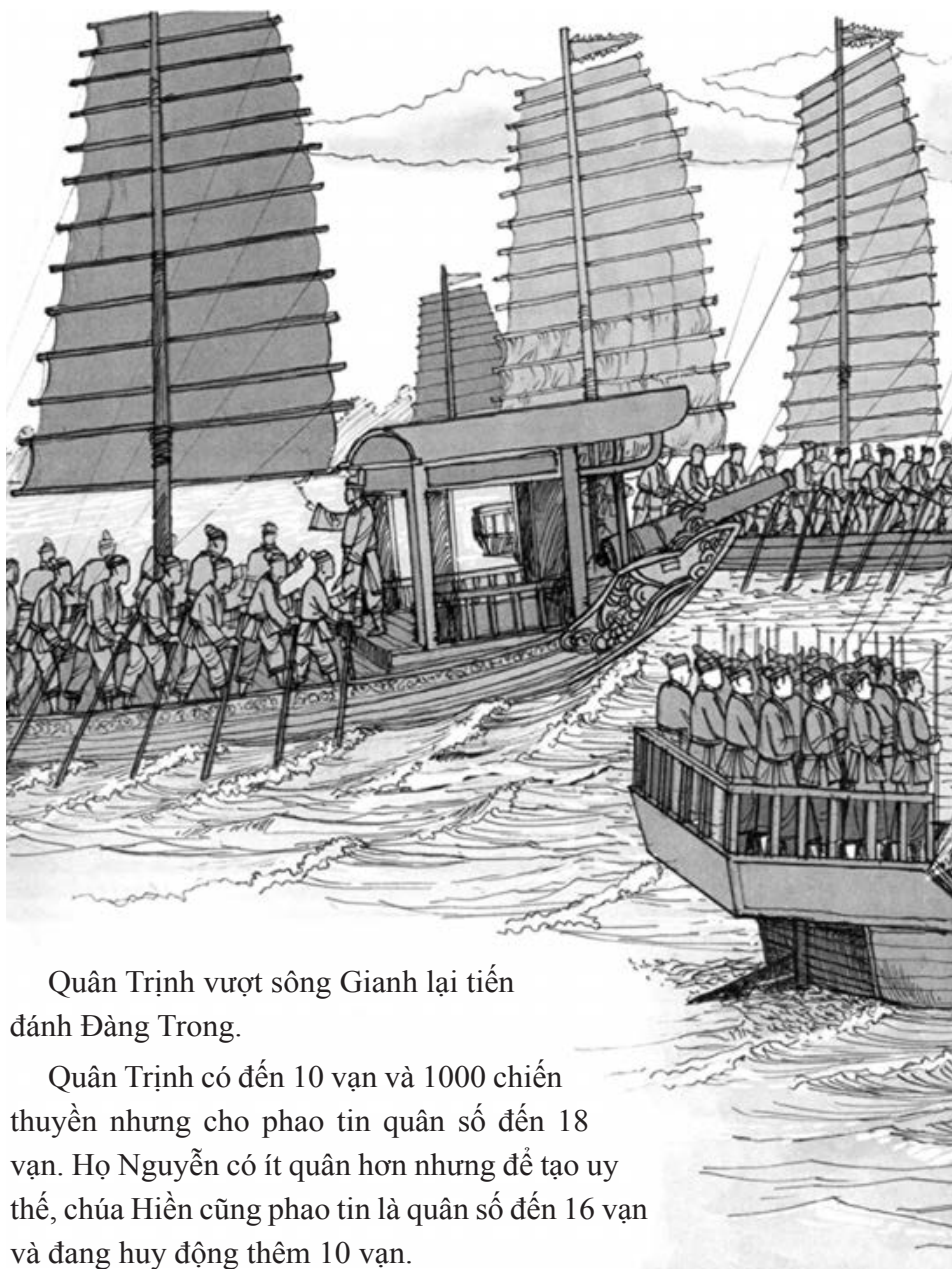


Giữa năm 1672, Trịnh Tạc cử đại binh vào đánh Đàng Trong. Chúa sai vận chuyển lương thảo ra tích trữ sẵn ở các kho ở Bồ Chính. Đường bộ dùng xe trâu vận chuyển, đường thủy dùng thuyền.



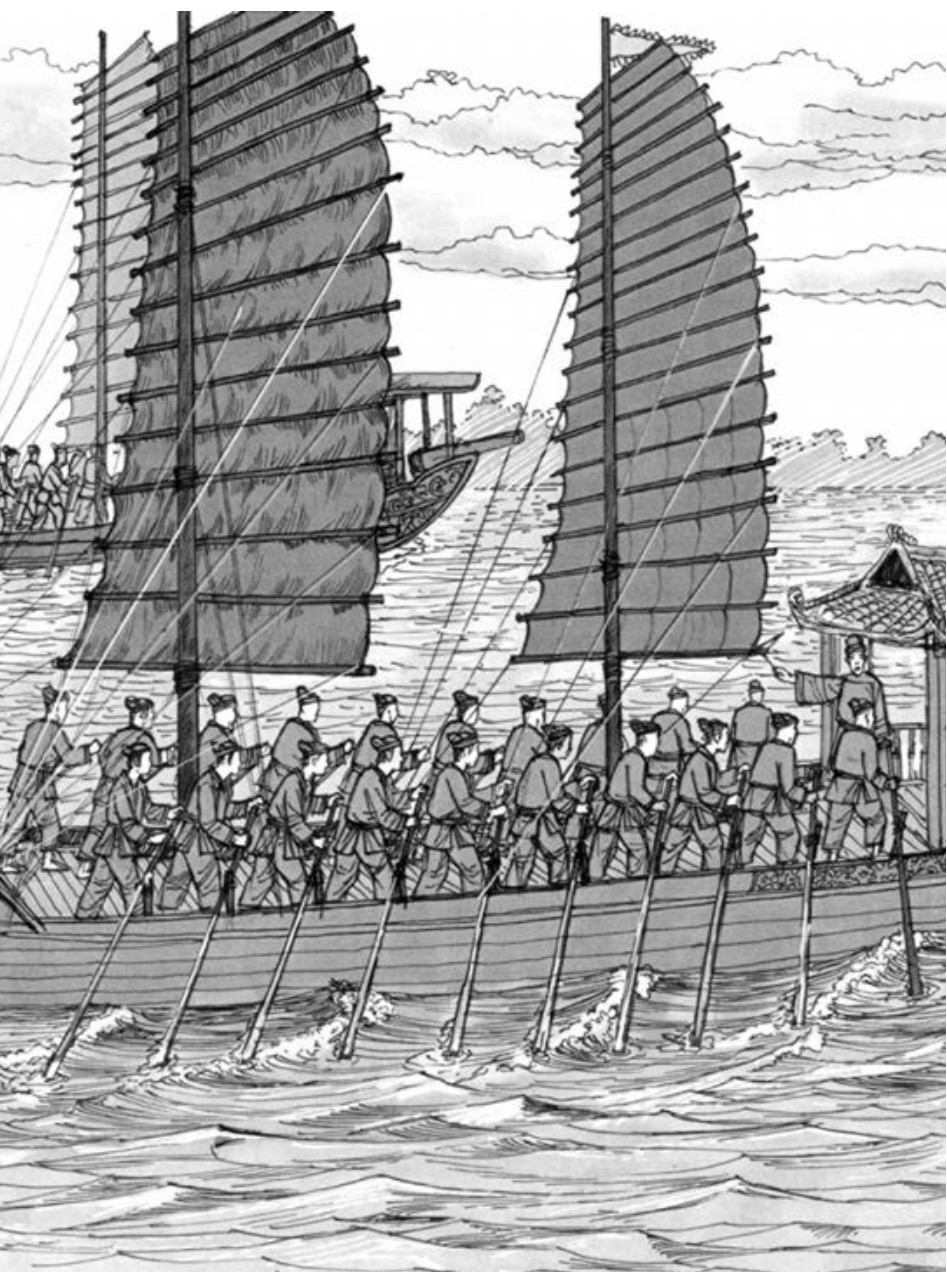
Chúa Hiền cử công tử thứ 4 là Chương cơ Nguyễn Phúc Hiệp làm Nguyên soái để mang quân chống cự. Quân Nguyễn chia nhau đóng giữ các lũy nương tựa vào nhau. Nguyễn Phúc Hiệp cũng cho quân đóng cọc gỗ ở cửa biển Nhật Lệ để ngăn thuyền chiến họ Trịnh.

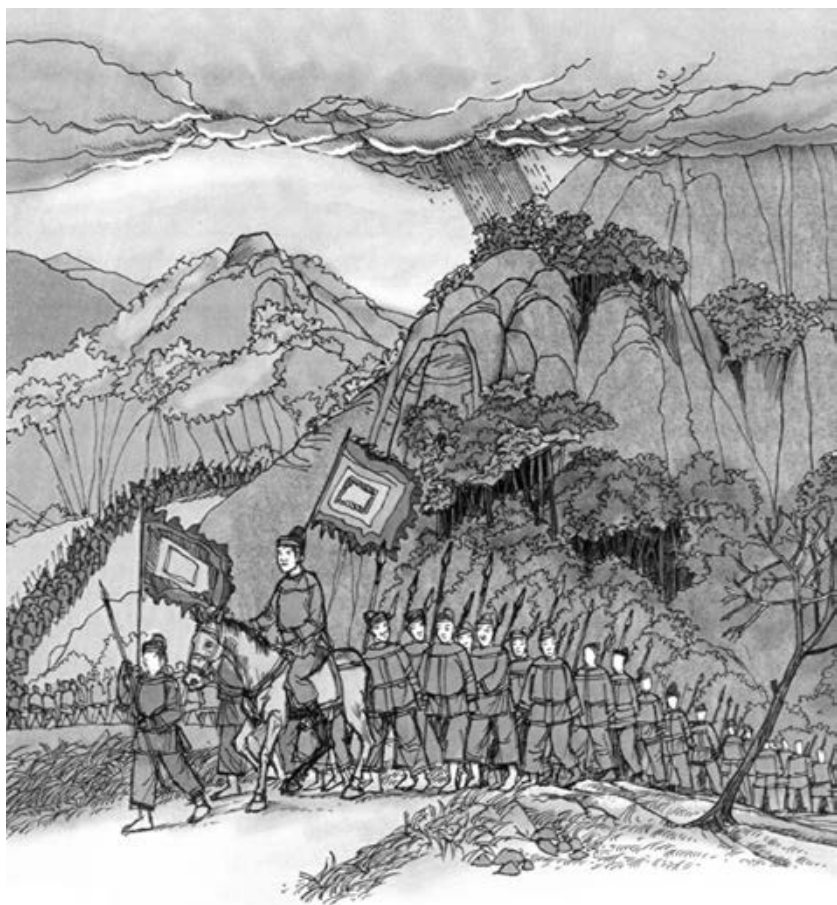




Quân Trịnh vượt sông Gianh lại tiến đánh Đàng Trong.

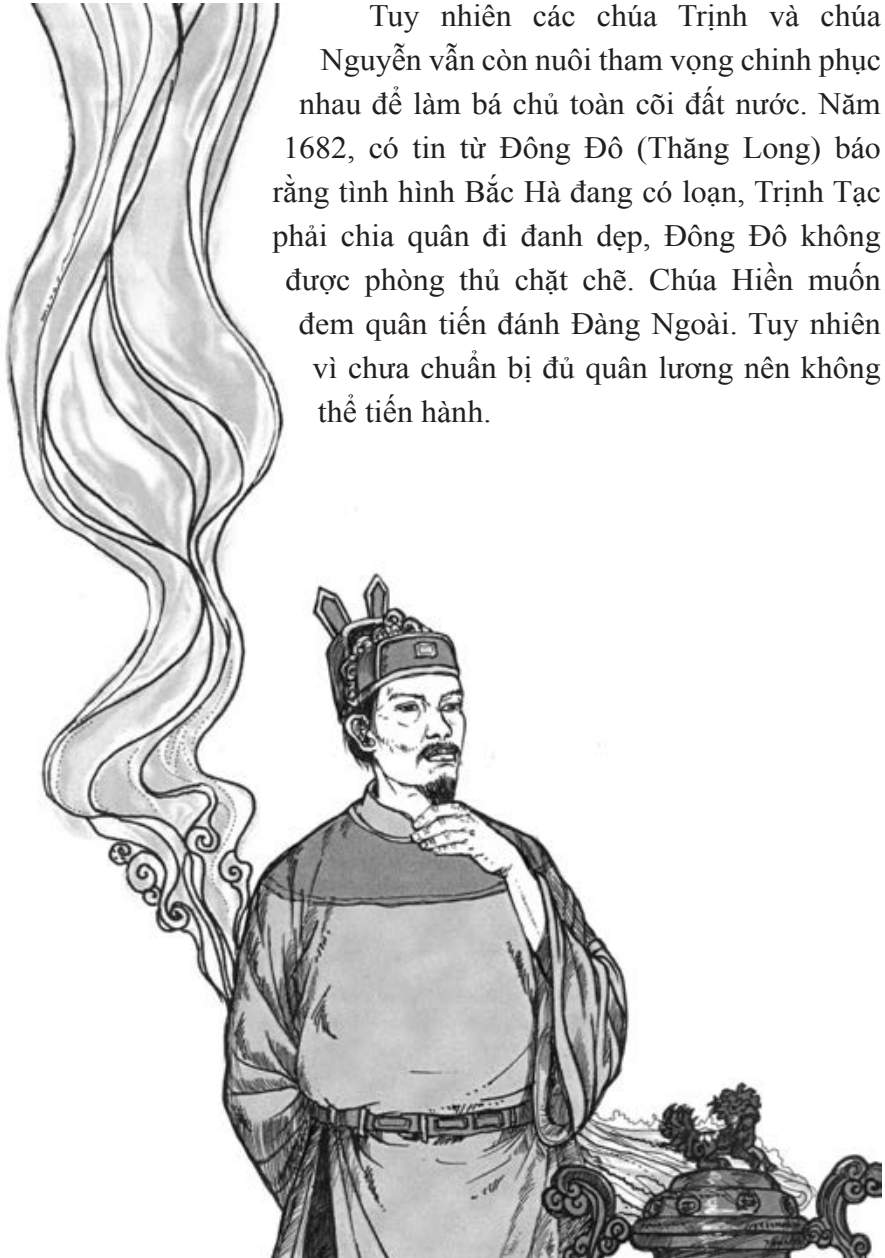
Quân Trịnh có đến 10 vạn và 1000 chiến thuyền nhưng cho phao tin quân số đến 18 vạn. Họ Nguyễn có ít quân hơn nhưng để tạo uy thế, chúa Hiền cũng phao tin là quân số đến 16 vạn và đang huy động thêm 10 vạn.





Thấy lực lượng của Trịnh quá hùng mạnh, chúa Hiền tự đốc suất quân lính thủy bộ ra chống ngăn. Quân Trịnh đánh phá dữ dội, phá được một phần lũy Trấn Ninh nhưng quân Nguyễn kịp tiếp ứng nên cố thủ được. Đến cuối năm 1672, Trịnh Tạc thấy không tiến quân được mà thời tiết lại bất lợi nên rút quân về. Từ đó hai bên lấy sông Gianh làm ranh giới, chia vùng cai quản.

Tuy nhiên các chúa Trịnh và chúa Nguyễn vẫn còn nuôi tham vọng chinh phục nhau để làm bá chủ toàn cõi đất nước. Năm 1682, có tin từ Đông Đô (Thăng Long) báo rằng tình hình Bắc Hà đang có loạn, Trịnh Tạc phải chia quân đi đánh dẹp, Đông Đô không được phòng thủ chặt chẽ. Chúa Hiền muốn đem quân tiến đánh Đàng Ngoài. Tuy nhiên vì chưa chuẩn bị đủ quân lương nên không thể tiến hành.



Trong lúc phải đối đầu với quân Trịnh ở phía bắc, chúa Hiền cũng phải lo đối phó với những cuộc quấy rối ở biên giới phía nam. Lúc bấy giờ, lãnh thổ của Đàng Trong về phía nam đến Phú Yên, tiếp giáp với Chiêm Thành. Năm 1653, Bà Tấm, vua Chiêm, cho quân cho sang cướp phá các làng mạc của Đàng Trong ở vùng biên giới.

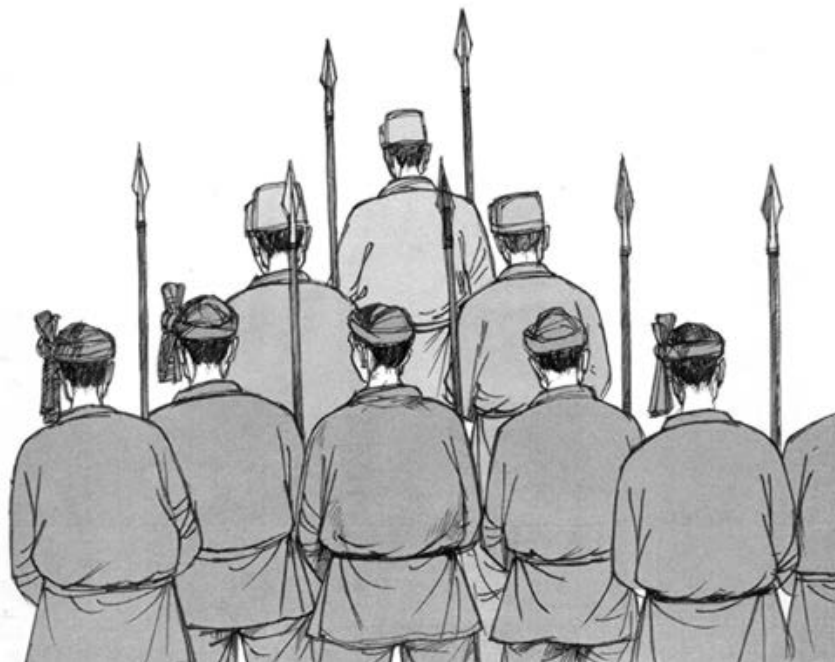




Chúa Hiền sai Cai cơ Hùng Lộc đem 3000 quân đánh Chiêm Thành. Quân Nguyễn vượt qua núi Thạch Bi [ranh giới Phú Yên và Khánh Hòa] tiến đánh. Nhân đêm tối, Hùng Lộc cho quân đốt phá thành trì của quân Chiêm. Bà Tấm chống không lại, bỏ chạy. Quân chúa Nguyễn đuổi theo tận đến sông Phan Rang. Bà Tấm xin hàng.



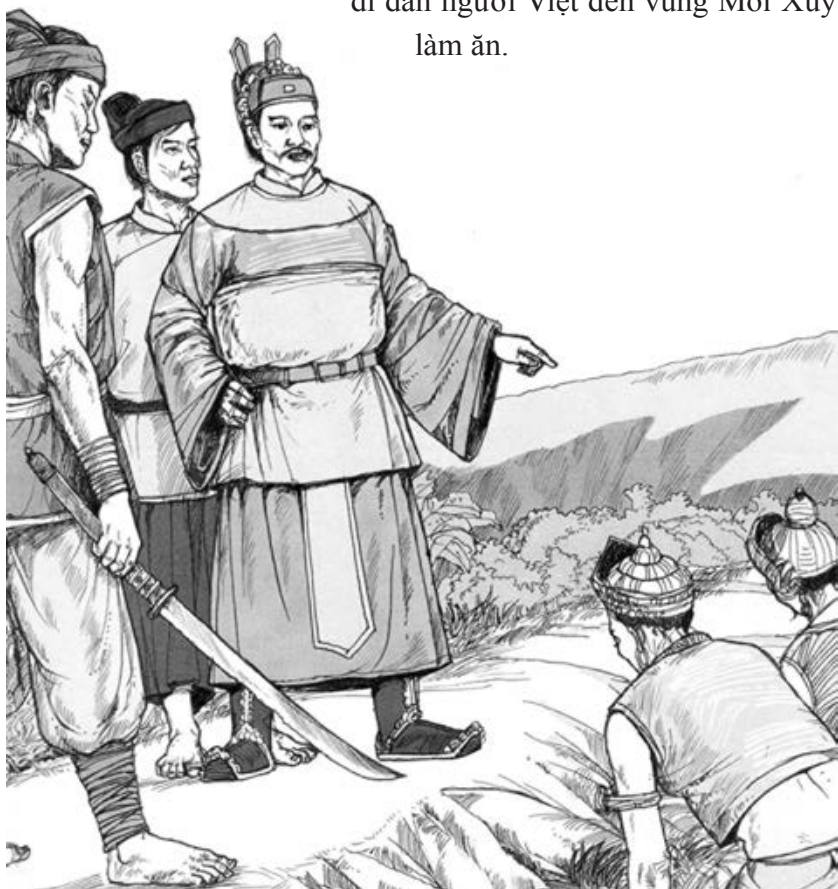
Chúa Hiền chấp thuận và lấy sông Phan Rang làm ranh giới hai nước. Vùng đất từ Phú Yên đến Phan Rang, chúa Hiền lập ra dinh Thái Khang (tỉnh Khánh Hòa sau này) giao cho Hùng Lộc cai quản. Dinh này có hai phủ là phủ Thái Khang và phủ Diên Ninh.



Trong khi đó, quan hệ giữa Chân Lạp và xứ Đàng Trong của Đại Việt có những biến động lớn. Dưới triều vua Chân Lạp Chey Chetta II (được chúa Nguyễn Phúc Nguyên gả công nương Ngọc Vạn cho), quan hệ giữa Chân Lạp và Đàng Trong rất tốt đẹp. Tuy nhiên, sau khi Chey Chetta mất (1628), tình hình Chân Lạp không ổn định, triều đình chia làm hai phe tranh giành quyền lực, một dựa vào Đàng Trong và một dựa vào thế lực Xiêm.



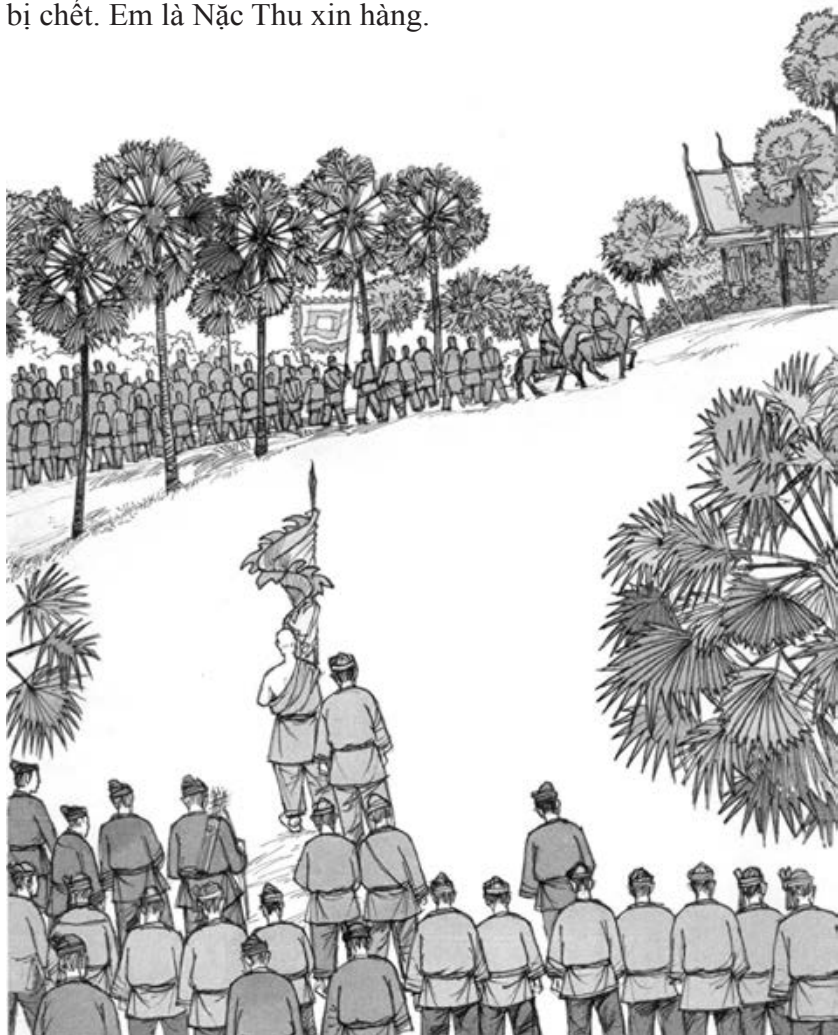
Nặc Ông Chân thắng được các đối thủ lên làm vua. Phe chống Nặc Ông Chân sang xin chúa Nguyễn trợ giúp. Năm 1658, Nặc Ông Chân cho quân cướp phá ở biên giới Đại Việt. Chúa Hiền sai Phó tướng dinh Trấn Biên (Phủ Yên) là Nguyễn Phúc Yển, Cai đội Xuân Thắng và Tham mưu Minh Lộc đem 3000 quân đến Mỗi Xuy [vùng Bà Rịa, Đồng Nai ngày nay], đánh phá được, bắt Nặc Ông Chân đưa về. Chúa Nguyễn Phúc Tần tha cho về nước bắt hằng năm phải nộp cống và phải bảo vệ những di dân người Việt đến vùng Mỗi Xuy làm ăn.



Trong những thập niên cuối thế kỷ XVII, tình hình Chân Lạp lại bất ổn do những cuộc tranh giành quyền lực đưa đến những cuộc chém giết, chia rẽ trong hoàng tộc. Năm 1674, ở U Đông, Nặc Nộn cướp ngôi vua nhưng sau đó Nặc Ô Đài nổi lên, làm cầu phao, xích sắt ngăn sông và đắp thành Nam Vang và cầu viện nước Xiêm (nay là Thái Lan). Nặc Ô Đài phao tin nước Xiêm sắp đem quân sang đánh. Nặc Nộn hoảng sợ chạy đến dinh Thái Khang xin chúa Nguyễn giúp.



Chúa Hiền sai Cai cơ Nguyễn Dương Lâm đem quân sang giúp Nặc Nộn. Năm 1674, Nguyễn Dương Lâm chia quân làm hai đạo đánh phá chiến lũy do Nặc Ô Đài lập ở Sài Gòn và Gò Bích và tiến lên Nam Vang. Quân Nguyễn phá cầu phao, xích sắt rồi tiến lên vây thành Nam Vang. Nặc Ô Đài bỏ chạy và sau đó bị chết. Em là Nặc Thu xin hàng.



Nặc Thu và Nặc Nộn là anh em. Nặc Thu là con dòng đích, còn Nặc Nộn là con dòng thứ. Theo lời khuyên của đình thần, chúa Hiền phong cho Nặc Thu làm đệ nhất vương, đóng ở Oudong và Nặc Nộn làm đệ nhị vương đóng ở Sài Gòn, mỗi năm phải triều cống.

Dưới triều Nặc Nộn, việc làm ăn sinh sống của người Việt trên vùng Đồng Nai khá thuận lợi. Một sự kiện thúc đẩy việc định cư khai phá ở đây đã diễn ra. Đó là vào năm 1679, vùng Đồng Nai, Cửu Long lại tiếp nhận thêm nguồn nhân lực mới.

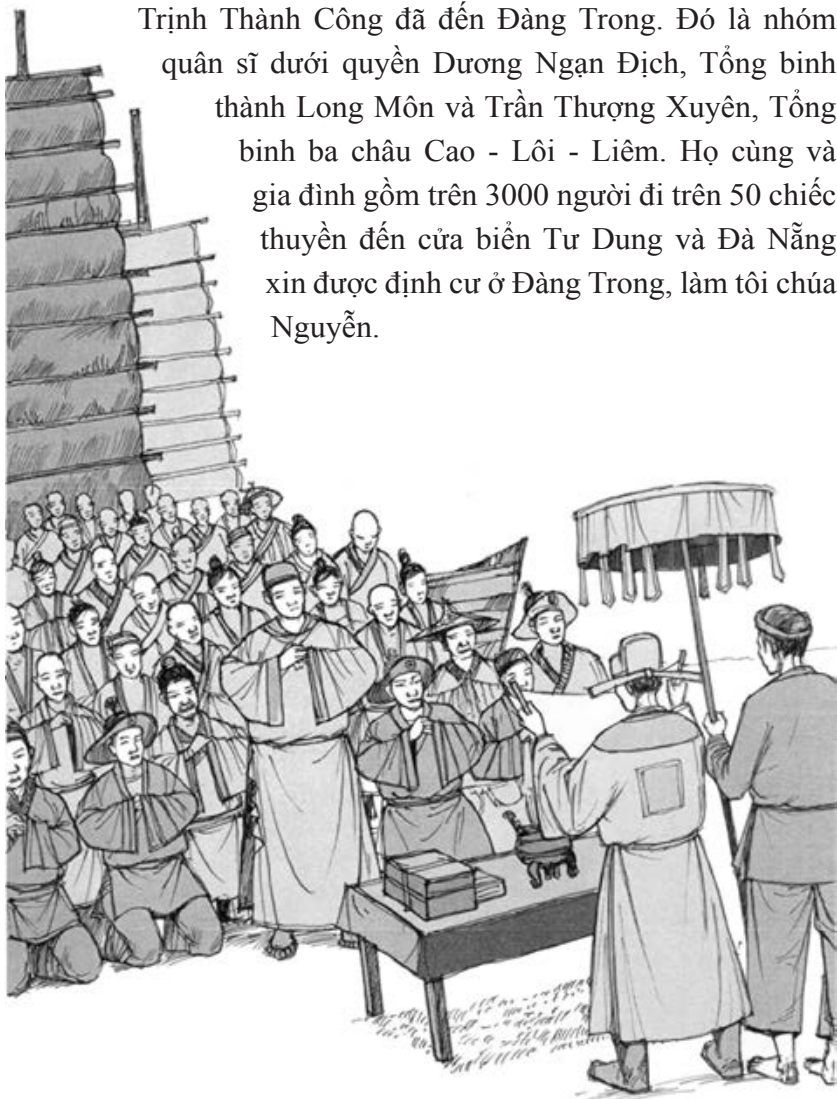


Vào thế kỷ XVII, nhà Minh ở Trung Quốc đã rất suy yếu. Người Mãn Thanh ở phía đông bắc Trung Quốc nhân cơ hội đó xâm lược nước này. Năm 1644, quân Mãn Thanh đã chiếm được Bắc Kinh. Nhà Thanh được lập. Vua Minh phải chạy về Nam Kinh rồi sau đó cũng bị diệt.

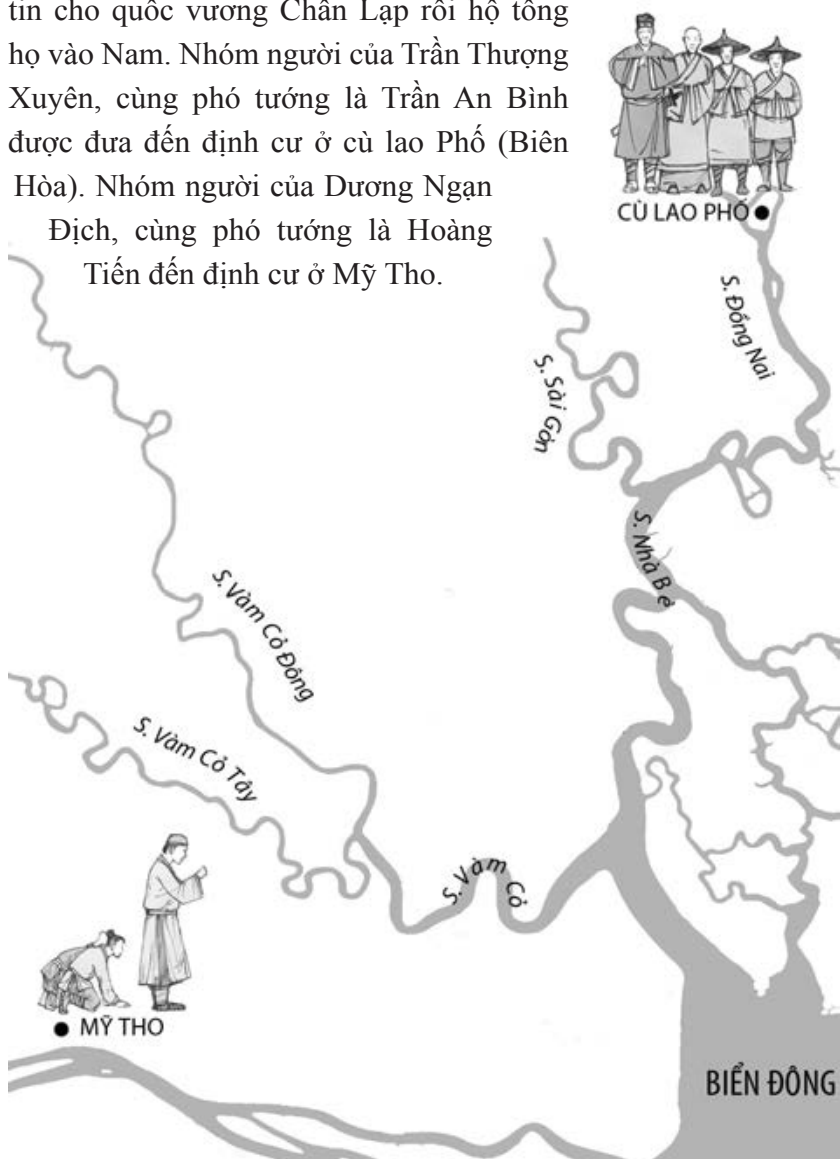
Trịnh Thành Công một vị quan của nhà Minh, sau những cố gắng chống quân Mãn Thanh thất bại. Năm 1661, ông đã kéo quân ra chiếm đảo Đài Loan làm căn cứ. Quân Thanh triều tiếp tục đánh ra Đài Loan và tiêu diệt Trịnh Thành Công.



Trong thời gian lực lượng nhà Minh dần bị đánh bại, nhiều người Trung Quốc bỏ xứ sang các nước lân cận. Giữa năm 1679, một nhóm người Trung Quốc trong lực lượng của Trịnh Thành Công đã đến Đàng Trong. Đó là nhóm quân sĩ dưới quyền Dương Ngạn Địch, Tổng binh thành Long Môn và Trần Thượng Xuyên, Tổng binh ba châu Cao - Lôi - Liêm. Họ cùng và gia đình gồm trên 3000 người đi trên 50 chiếc thuyền đến cửa biển Tư Dung và Đà Nẵng xin được định cư ở Đàng Trong, làm tôi chúa Nguyễn.



Sau khi cùng triều thần bàn tính, chúa Hiền chấp thuận và sai người đưa thơ báo tin cho quốc vương Chân Lạp rồi hộ tống họ vào Nam. Nhóm người của Trần Thượng Xuyên, cùng phó tướng là Trần An Bình được đưa đến định cư ở cù lao Phố (Biên Hòa). Nhóm người của Dương Ngạn Dịch, cùng phó tướng là Hoàng Tiến đến định cư ở Mỹ Tho.





Những người Hoa này cùng với người Việt đã định cư ở đây khai phá đất đai trồng trọt và lập phố chợ buôn bán. Thuyền buôn các nước dần đến buôn bán và cù lao Phố, Mỹ Tho dần trở thành hai trung tâm thương mại quan trọng.



Giữa năm 1688, trong nhóm người Hoa định cư ở Mỹ Tho, phó tướng của Dương Ngạn Địch là Hoàng Tiến giết chủ tướng để cướp quyền chỉ huy nhóm tướng sĩ Long Môn. Tiến kéo quân đến rạch Than [theo *Phủ biên*] đắp lũy, đúc súng, đóng chiến thuyền và chia quân đi cướp bóc, chặn đường thủy dẫn lên Nam Vang (Chân Lạp).

Vua thứ nhất của Chân Lạp Nặc Thu cho đắp lũy, dùng xích sắt ngăn sông và không chịu thần phục chúa Nguyễn nữa. Nặc Nộn ở Sài Gòn vội vã báo tin cho chúa Nghĩa. Chúa sai cử Mai Vạn Long làm Thống binh đem quân vào đánh dẹp Hoàng Tiến và Nặc Thu.





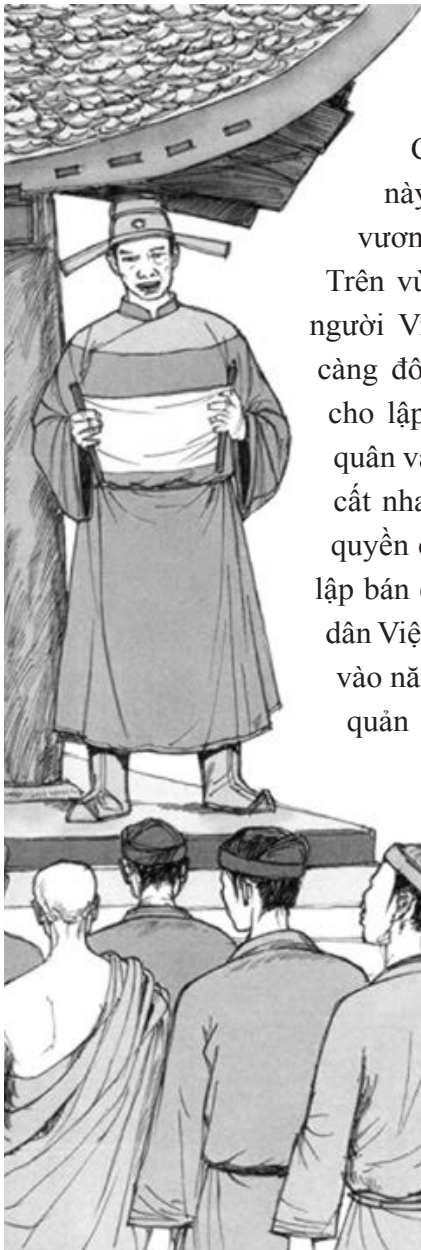
Đầu năm 1689, quân Nguyễn vào đến Mỹ Tho, đóng ở Rạch Gầm. Mai Vạn Long dùng mưu dụ Hoàng Tiến rời chỗ chỗ đóng quân và phục binh giết chết. Sau đó binh thuyền quân Nguyễn kéo lên đánh Nặc Thu, phá xích sắt, chiếm lũy Nam Vang.

Nặc Thu chạy về thành Long Úc cố thủ và sai một nữ sứ giả rất giỏi tài ăn nói mang vàng bạc đến biểu cho Vạn Long và các tướng và hứa sẽ sang triều cống. Vạn Long tham của đứt lót nên rút chân chừ lại thêm lúc đó đang mùa nước sông chảy mạnh không thuận cho việc tiến đánh bằng thuyền chiến nên Vạn Long cho đóng quân lại suốt mấy tháng trời. Chúa Nguyễn Phúc Trấn tức giận bãi chức của Vạn Long và cử Nguyễn Hữu Hào vào thay.

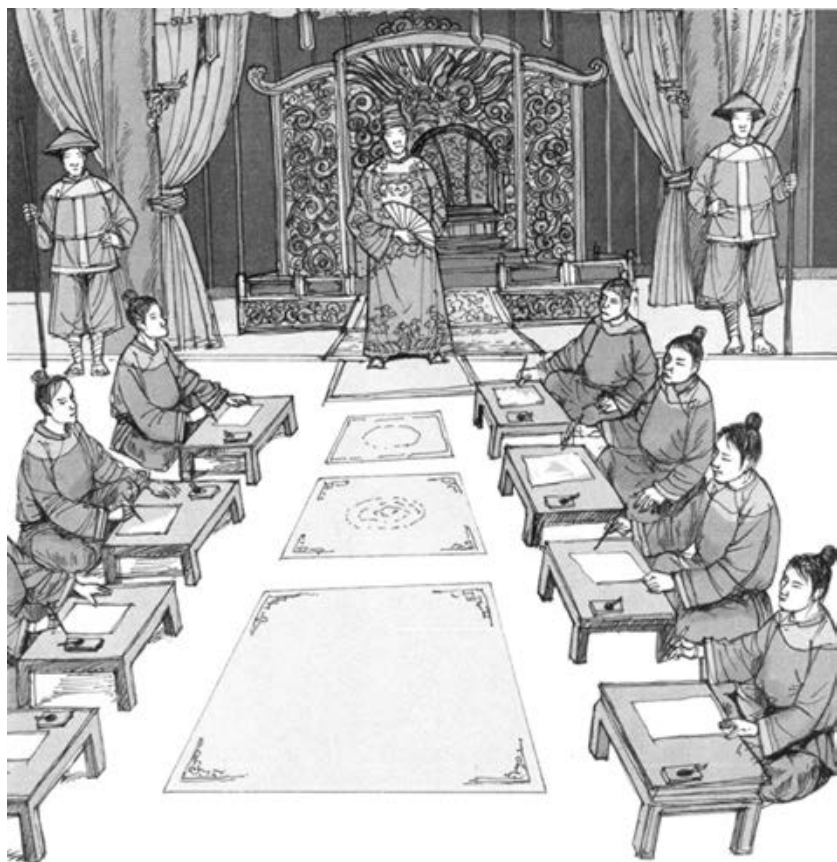


Đầu năm 1689, Nguyễn Hữu Hào cho quân tiến đến Bích Đôi [Chân Lạp] và đóng quân. Nặc Thu lại cho mang lễ vật đến và xin sẽ chịu triều cống. Tuy nhiên sau đó, lễ vật Nặc Thu sai mang đến dâng không đúng như số cống phẩm mà chúa Nghĩa đòi để chịu rút quân. Nguyễn Hữu Hào chần chừ không chịu tiến đánh dù một số tướng thúc giục. Giữa năm đó ông cho rút quân về Bà Rịa. Chúa Nguyễn tức giận tước bỏ chức tước của Hữu Hào, giáng ông làm thứ dân.





Tuy quân Nguyễn phải rút về nhưng sự chia rẽ, xung đột giữa đệ nhất và đệ nhị vương Chân Lạp và các cuộc hành quân này đã khiến vùng đất của vị đệ nhị vương càng tách rời khỏi Chân Lạp. Trên vùng Bà Rịa, Đồng Nai, lưu dân người Việt đến làm ăn sinh sống ngày càng đông. Đầu năm 1679, chúa Hiền cho lập đồn ở Sài Gòn làm chỗ đóng quân và dinh của quan Tổng tham mưu, cất nha thự cho các quan lại ở. Chính quyền của chúa Nguyễn đã được thành lập bán chính thức để bảo vệ những lưu dân Việt. Khi đệ nhị vương Nặc Nộn mất vào năm 1691, chúa Nguyễn hoàn toàn quản lý hoạt động của vùng đất này.



Về mặt văn hóa, chúa Hiền chú ý đến việc mở các khoa thi để chọn người tài. Chúa vẫn theo cách thức thi cử đã được lập ra dưới thời chúa Nguyễn Phúc Lan. Có hai khoa thi: *Chính đồ* và *Hoa văn*. Khoa *Chính đồ* thi trong 3 ngày, người thi đỗ chia làm 3 hạng: Giám sinh được bổ làm Tri phủ, Tri huyện, Sinh đồ được bổ làm Huấn đạo, hạng thứ 3 cũng gọi là Sinh đồ và được bổ làm Lễ sinh hay Nhiêu học.

Khoa hoa văn thi trong 3 ngày, người thi đỗ cũng chia làm 3 hạng bổ vào làm việc các ty hoặc làm Nhiêu học. Dưới thời chúa Hiền, có 5 lần thi đã được tổ chức và có 18 người trúng tuyển chính đồ, 80 người trúng tuyển Hoa văn.



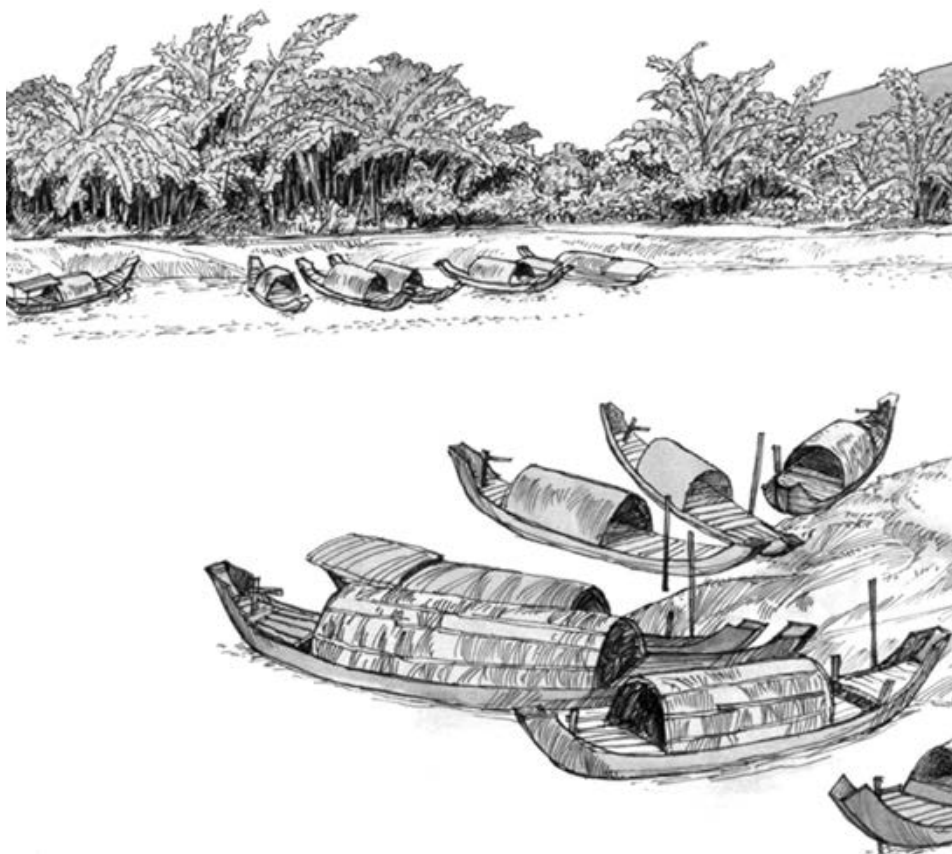
Năm 1674, chúa Hiền mở thêm khoa thi Thám phông. Khoa thi này thi trong 1 ngày và hỏi về những đề tài thiết thực về tình hình dân, binh, việc làm của vua Lê, chúa Trịnh ở Đàng Ngoài. Người trúng tuyển được bổ vào làm việc ở ty Xá sai. Từ đó, nhà nước lại cho mở khoa thi Thám phông cùng với các khoa thi Chính đồ và Hoa văn.



Vào nửa sau thế kỷ XVII, nhiều nhà sư Trung Quốc đã đến Đàng Trong như sư Viên Cảnh và Viên Khoan đến tu ở Quảng Trị, sư Pháp Hóa đến Quảng Ngãi. Thiền sư Nguyên Thiều thuộc Thiền phái Lâm Tế lập chùa Thập Tháp ở làng Thận Chánh, huyện Tuy Viễn (Quy Nhơn) năm 1665. Sau đó ông ra Thuận Hóa lập chùa Hà Trung (huyện Phú Lộc) và chùa Quốc Ân (Huế).



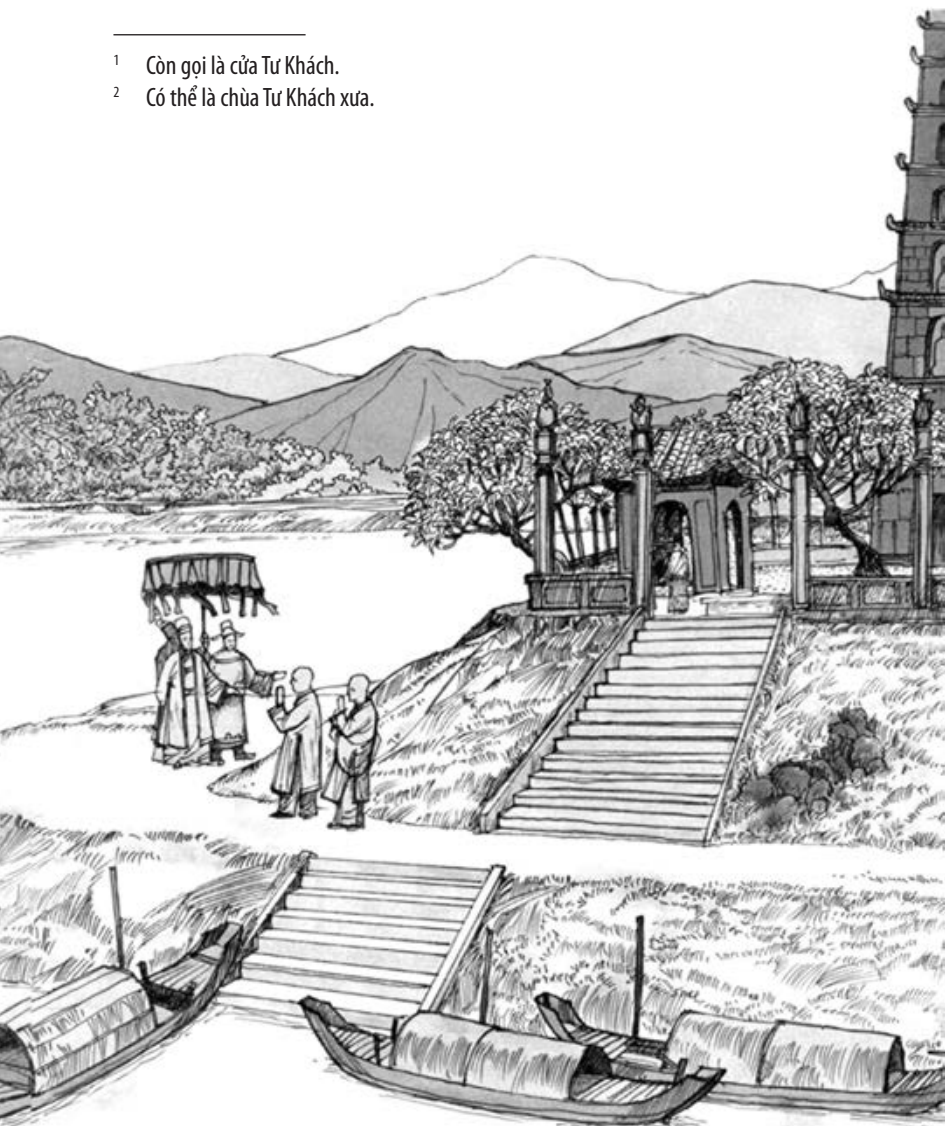
Phật giáo được các chúa Nguyễn quan tâm ngay từ khi Nguyễn Hoàng vào Thuận Quảng gây dựng cơ nghiệp. Chúa Hiền chú ý mở mang Phật giáo. Vào năm 1665, ông cho sửa sang lại chùa Thiên Mụ, ngôi chùa được chúa Tiên Nguyễn Hoàng cho xây dựng trên bờ sông Hương vào năm 1601.



Sang năm sau, nhân chuyến đi chơi cửa biển Tư Dung¹, chúa Hiền cho xây dựng lại chùa Hòa Vinh, rộng lớn và đẹp đẽ². Sau đó, chúa ra chơi chùa và cho mở hội ở chùa suốt bảy ngày đêm.

¹ Còn gọi là cửa Tư Khách.

² Có thể là chùa Tư Khách xưa.

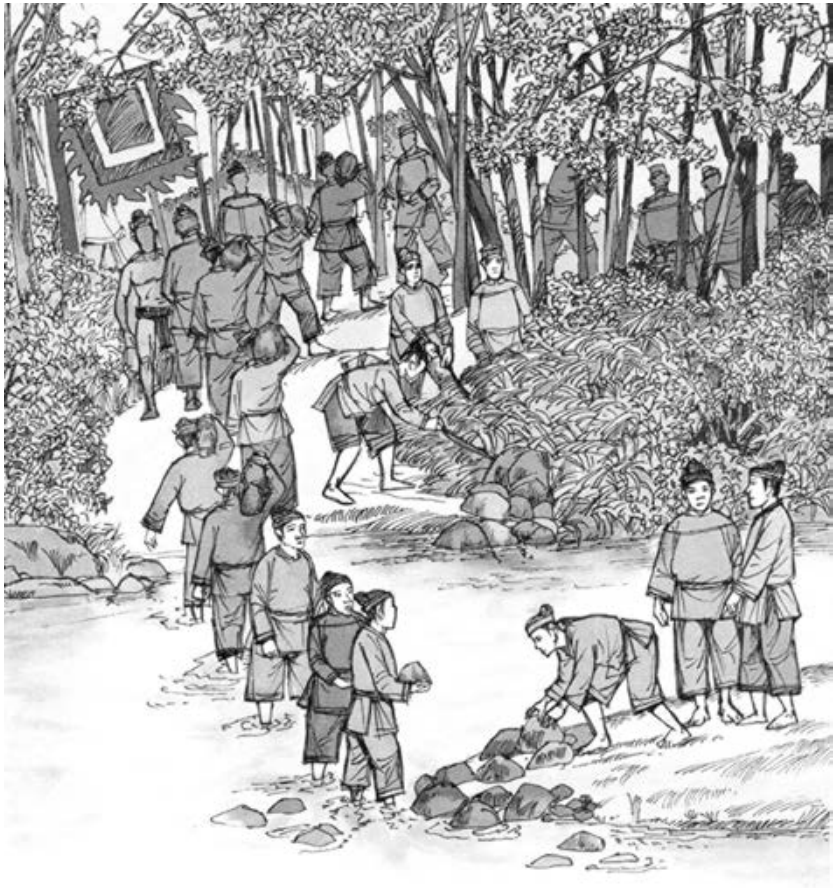




Đối với đạo Thiên Chúa, việc truyền đạo lúc đầu được các chúa Nguyễn cho phép nhưng sau đó dần dần bị cấm. Chúa Thượng đã ra lệnh cấm đạo, giết giáo đồ. Tuy nhiên do cần lời kéo thương nhân Tây phương đến buôn bán nên việc cấm đạo có khi được nói lỏng.

Giáo hội giao việc truyền đạo ở Đại Việt cho các giám mục người Pháp phụ trách. Điều này gặp sự chống đối của người Bồ. Họ tố cáo các giáo sĩ này xúi giục dân nổi loạn, làm gián điệp cho nước ngoài khiến chính quyền phải trục xuất. Ở Đàng Trong, do sự chống đối của người Bồ, Giám mục Chevreuil bị trục xuất. Tuy nhiên, năm 1672, Giám mục La Motte từ Xiêm sang gửi thư và tặng vật đến chúa Hiền và chúa cho phép Hội thừa sai truyền đạo và lập nhà thờ trong xứ. Năm 1676, Giám mục đến Huế và được chúa Hiền tiếp và hứa cho giảng đạo.





Mặc dù phải quan tâm nhiều đến mặt quân sự, chúa Hiền cũng chú tâm phát triển kinh tế. Năm 1668, chúa cho khai kinh Hồ Xá. Kênh này được đào từ thời Lê Thánh Tông từ Thủy Liên đến Hồ Xá nhưng thường bị cát bồi lấp. Chúa sai xem xét địa hình, tự thân đốc thúc dân đào lại. Tuy nhiên, mấy tháng cát lại bồi lấp khiến ghe thuyền đi lại khó khăn. Chúa ra lệnh cho dân ở dọc kênh hàng năm phải nạo vét giữ cho việc lưu thông được thuận lợi.

Năm 1681, chúa Hiền đi săn ở Cổ Lâm, khi về qua kênh Thi Môn, nghe người địa phương nói chỗ này sóng gió, nhiều thuyền bị đắm. Chúa sai dân hai huyện Vũ Xương và Hải Lăng đào kênh từ xã Mai Xá đến bến quán Nhĩ Hạ. Ghe thuyền đi buôn bán được thuận lợi.



Ở vùng Thuận Quảng, từ các triều đại Lý - Trần, nhất là Lê sơ cho đến các chúa Nguyễn, việc khai phá đất đai để trồng trọt đã tạo nên nhiều đất công thuộc quyền sở hữu của nhà nước. Một phần số đất đai này được gọi là quan đồn điền, quan điền trang, nhà nước dùng cấp cho quan lại, quý tộc thu lợi (như tiền lương) hoặc chia cho dân cày cấy và nộp tô cho nhà nước. Một số đất công khác là đất công của làng xã. Ruộng đất này được chia cho dân trong làng xã canh tác và nộp tô thuế.



Nhận thấy trong nước có nhiều người chiếm đất đai canh tác mà không nộp tô thuế, chúa Hiền sai quan chia nhau đi các nơi đo đạc diện tích đất đai cày cấy. Ruộng được chia làm 3 hạng: ruộng hạng nhất, hạng nhì và hạng ba; số thóc thuế mỗi mẫu giảm dần theo thứ hạng. Loại ruộng đất xấu hơn được xếp vào loại *ruộng mùa thu* và *đất khô* chỉ phải đóng thuế thấp. Ruộng đất công trong làng xã được giao cho dân chia nhau cày cấy, nộp tô.



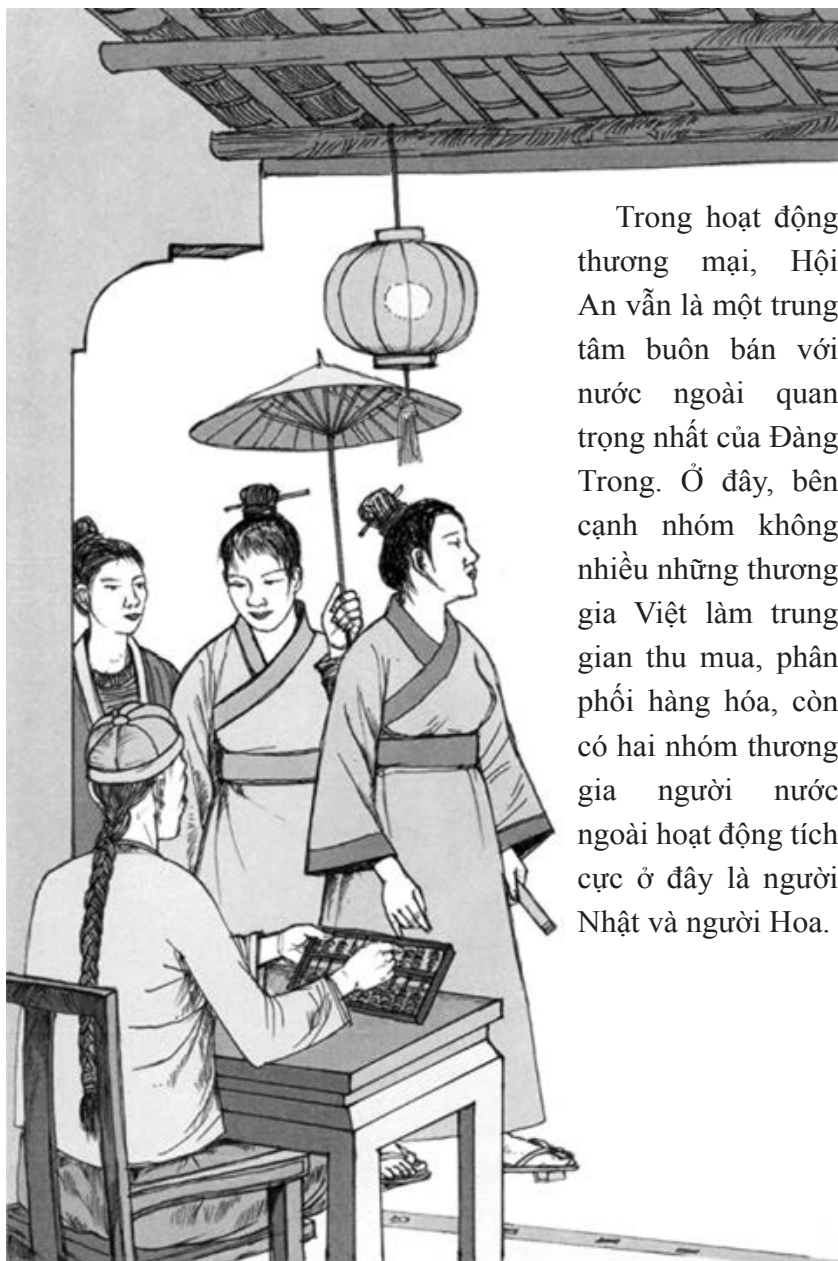
Chúa cũng qui định người nào có công khai phá đất hoang, biến thành ruộng vườn thì cho lấy phần đất ấy làm ruộng tư. Quy định đó đã khuyến khích người dân ra sức mở mang đất đai trồng trọt, làm tăng nguồn lợi kinh tế và nguồn thuế cho nhà nước.





Chúa Hiền cũng định lại phép đo lường để thống nhất trong việc thu thuế, phát lương. Tuy nhiên các đơn vị đo lường còn khá phức tạp gồm có: nhón, vốc, hợp, thăng, hộc, thùng.

Lấy 2 hay 3 ngón tay nhón được bao nhiêu thóc gọi là 1 *nhón*, 10 nhón là 1 *vốc*, 10 vốc là 1 *hợp*, 10 hợp là 1 *thăng*, 10 thăng là 1 *hộc*, 10 hộc là 1 *thùng*. Tuy nhiên hộc dùng để thu thuế có 75 thăng, 500 thăng là 1 thùng; dùng để phát lương cho quân thì hộc có 33 thăng 5 hợp; dùng để phát trong nội phủ thì hộc có 30 thăng 5 hợp.

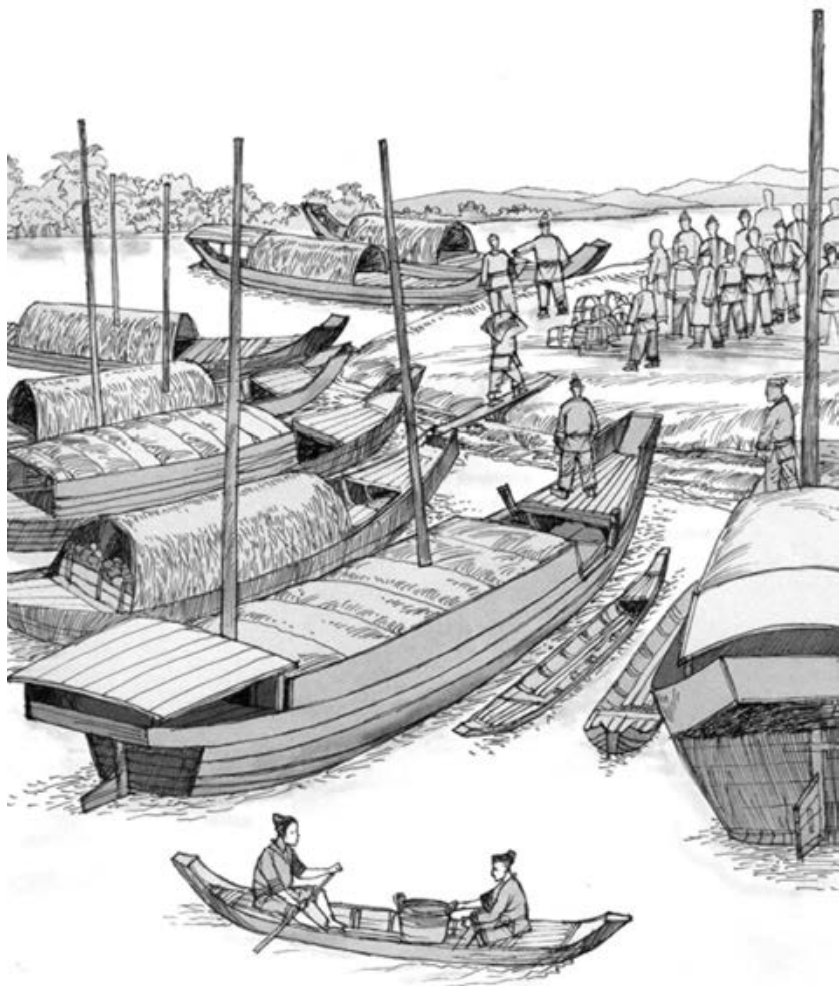


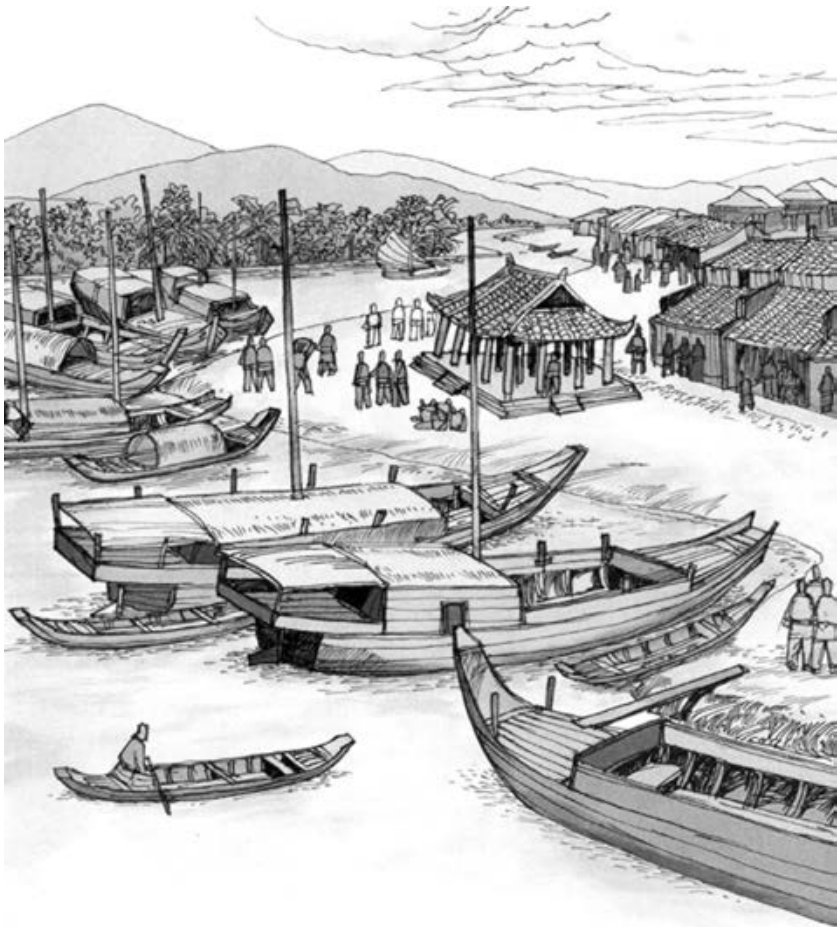
Trong hoạt động thương mại, Hội An vẫn là một trung tâm buôn bán với nước ngoài quan trọng nhất của Đàng Trong. Ở đây, bên cạnh nhóm không nhiều những thương gia Việt làm trung gian thu mua, phân phối hàng hóa, còn có hai nhóm thương gia người nước ngoài hoạt động tích cực ở đây là người Nhật và người Hoa.

Tuy nhiên, đến năm 1636, thuyền buôn Nhật không đến Hội An cũng như các cảng khác vì chính quyền Nhật cấm thuyền buôn ra nước ngoài. Trong khi đó số thương gia người Hoa ngày càng đông. Họ mua đất đai, lập phố buôn bán và cất đền thờ, chùa chiền. Vào năm 1695, Bowyear, một người Tây phương, đã mô tả: *“Hải cảng này chỉ có một đường phố lớn trên bờ sông, hai bên có hai dãy nhà, khoảng 100 nóc, toàn là người Trung Quốc ở”*.



Một cảng giao thương với nước ngoài nổi tiếng khác của Đàng Trong thời bấy giờ là cảng Thanh Hà. Thanh Hà nằm ở tả ngạn sông Hương, cách cửa biển khoảng 10km. Cảng được chúa Nguyễn cho thành lập vào giữa thế kỷ XVII để làm nơi thương gia nước ngoài đến trao đổi hàng hóa phục vụ cho nhu cầu của thủ phủ Kim Long (sau đó là phủ Phú Xuân) và của vùng này.





Phố chợ Thanh Hà trong thế kỷ XII còn đơn sơ với hai dãy phố lợp bằng tranh, hướng chính quay mặt ra sông Hương. Phố bao gồm các cửa hàng, nhà buôn làm đại lý thu mua phân phối hàng hóa, nhà dành cho các thương khách từ các nơi đến thuê trong thời gian lưu trú ở đây chờ mùa gió thuận lợi...

Thương nhân hoạt động ở đây có người địa phương đảm nhận vai trò chủ yếu trong việc giao lưu hàng hóa trong nước: tập trung hàng để xuất khẩu và phân phối hàng do các tàu buôn mang đến. Thương gia nước ngoài chủ yếu là người Hoa. Họ tập trung thành “Đại Minh khách phố” hay thường gọi là “Phố khách”. Một thương gia người Quảng Đông thường lên đây buôn bán cho biết: “*Từ Quảng Châu đi theo đường biển đến Thuận Hóa, được gió thuận, chỉ mất 3 ngày 3 đêm, vào cửa Eo [tức cửa Thuận An, nơi sông Hương đổ ra biển] đến Thanh Hà ở Phú Xuân*”.

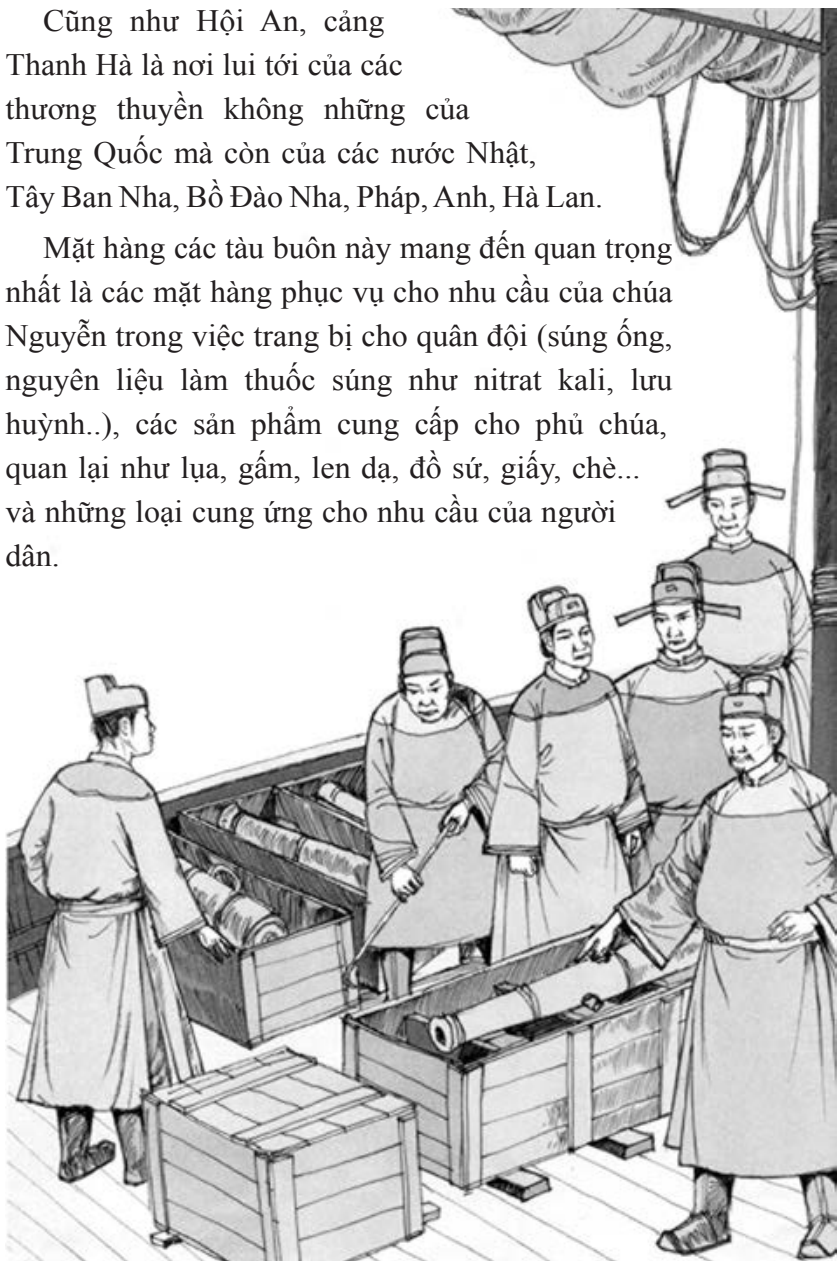


Thanh Hà là nơi tập trung hàng hóa sản xuất từ nhiều vùng trong nước từ những làng thủ công ở Thuận Hóa như hàng dệt ở Sơn Điền, Dương Xuân, Vạn Xuân (ven sông Hương), nón ở Đốc Sơ, Triều Sơn, đồ đúc bằng đồng ở Dương Xuân, dây thau ở Mậu Tài... đến những sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp như hồ tiêu ở Minh Linh (Quảng Trị), dầu rái ở Cam Lộ, gạo từ vùng Đồng Nai, Gia Định...



Cũng như Hội An, cảng Thanh Hà là nơi lui tới của các thương thuyền không những của Trung Quốc mà còn của các nước Nhật, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Pháp, Anh, Hà Lan.

Mặt hàng các tàu buôn này mang đến quan trọng nhất là các mặt hàng phục vụ cho nhu cầu của chúa Nguyễn trong việc trang bị cho quân đội (súng ống, nguyên liệu làm thuốc súng như nitrat kali, lưu huỳnh...), các sản phẩm cung cấp cho phủ chúa, quan lại như lụa, gấm, len dạ, đồ sứ, giấy, chè... và những loại cung ứng cho nhu cầu của người dân.

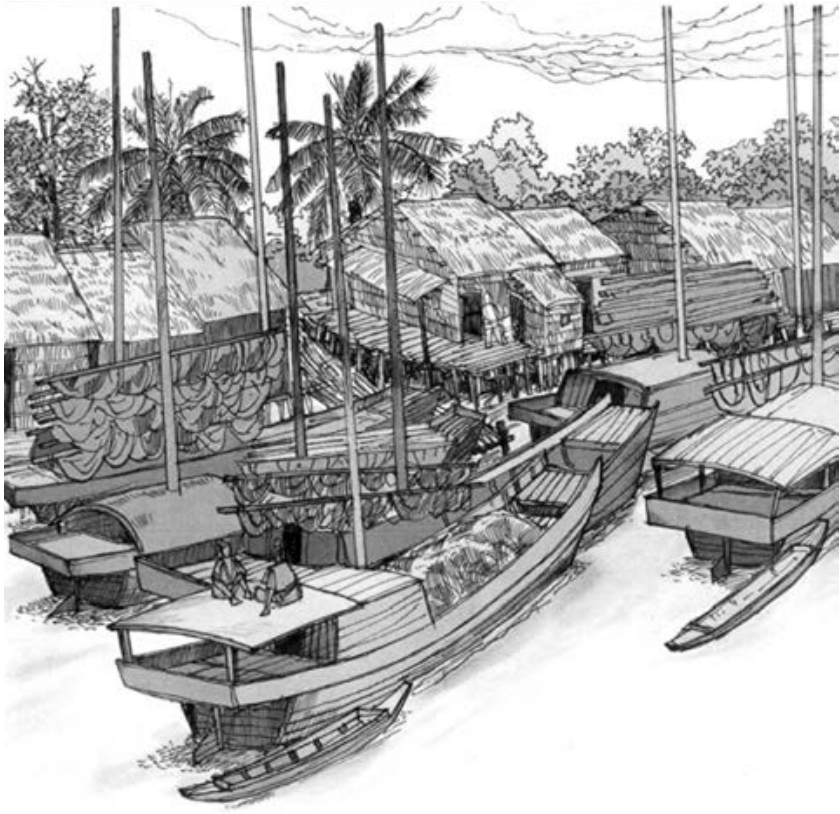


Thương gia người Hoa thích đến Thanh Hà, nhất là Hội An để buôn bán vì đây là các trung tâm buôn bán lớn, ngoài những sản phẩm phong phú của địa phương như hồ tiêu, ngà voi, quả cau, thuốc nhuộm, bạch đậu khấu, trầm hương, yến sào... họ có thể mua được sản phẩm từ các nước lân cận chở đến.





Trong nửa sau thế kỷ XVII và suốt thế kỷ XVIII, Thanh Hà là cửa ngõ của Phú Xuân, với các hoạt động thương mại nhộn nhịp. Tuy nhiên, đến đầu thế kỷ XIX hoạt động buôn bán ở Thanh Hà bị giảm dần và cảng Thanh Hà suy tàn vào giữa thế kỷ XIX. Lòng sông bị cát bồi lấp không còn thuận tiện cho tàu thuyền lui tới và do các thương gia dời đến các chợ ở khu kinh thành Huế.



Dưới triều chúa Hiền, chúa Nghĩa, Đàng Trong còn có hai trung tâm buôn bán với nước ngoài nữa đã hình thành và đang phát triển. Đó là cù lao Phố ở Biên Hòa, trên sông Đồng Nai và Mỹ Tho trên sông Tiền. Hoạt động buôn bán của hai nơi này phát triển dựa trên sự phát triển kinh tế của vùng Đồng Nai, Gia Định do quá trình khai phá, sản xuất của người Việt đến định cư ở vùng đồng bằng sông Đồng Nai, sông Cửu Long ngày một đông.

Ở cù lao Phố, Trần Thượng Xuyên chiêu tập những thương gia Trung quốc đến buôn bán. Dần dần cù lao Phố trở thành một thương cảng quan trọng được gọi là “Nông Nại đại phố”. Ở đây: *“mái ngói, tường vôi, lầu cao, quán rộng dài liên tiếp 5 dặm. [Có] ba đường phố: đường phố lớn lát đá trắng, đường phố ngang lát đá ong, đường phố nhỏ lát gạch xanh, đường sá bằng phẳng. Khách buôn tụ họp. Tàu biển, thuyền sông đậu san sát, Thực là một đô hội lớn. Các nhà buôn giàu lớn chỉ ở đây là nhiều”*¹.

Ở Mỹ Tho, nhóm người của Dương Ngạn Địch cũng xây dựng nên “Mỹ Tho đại phố”. Hai trung tâm này hưng thịnh cho đến thập niên 70 của thế kỷ XVIII thì suy sụp do chiến tranh tàn phá.



Mỹ Tho thời Pháp thuộc.

Hình ảnh: Internet

¹ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1971,

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, (bản dịch của viện Sử học), Hà Nội, 1992.
- Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, *Lịch sử Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971.
- Viện nghiên cứu Hán Nôm, *Đại Việt sử kí tục biên*, NXB Khoa học xã hội, Hà nội, 1991.
- Trương Hữu Quýnh, *Chế độ ruộng đất Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1983.
- Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998.
- Li Tana, *Xứ Đàng Trong – Lịch sử kinh tế xã hội Việt Nam thế kỷ 17 và 18*, NXB Trẻ , TP.HCM, 1999.
- Tạp chí Xưa và nay (chủ biên), *Triều Nguyễn và lịch sử nước ta*, NXB Văn hóa Sài Gòn, TP.HCM, 2008.
- Phan Khoang, *Việt sử xứ Đàng Trong: 1558-1777: cuộc Nam tiến của dân tộc Việt Nam*, NXB Văn học, Hà Nội, 2011.
- Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1964.
- Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971.

LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH
TẬP 51
CHÚA HIỀN CHÚA NGHĨA

Trần Bạch Đằng *chủ biên*

Lê Văn Năm *biên soạn*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng biên tập NGUYỄN MINH NHỰT

Biên tập: TÚ UYÊN

Bìa: BIÊN THÙY

Sửa bản in: ĐÌNH QUẢN

Trình bày: ĐỖ VĂN HẠNH

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

161B Lý Chính Thắng - Quận 3 - Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: 39316289 - 39316211 - 38465595 - 38465596 - 39350973

Fax: 84.8.8437450 - E-mail: hopthubandoc@nxbtre.com.vn

Website: <http://www.nxbtre.com.vn>

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, p. Bạch Đằng,
q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT: (04)37734544 - Fax: (04)35123395

E-mail: chinhanh@nxbtre.com.vn

Công ty TNHH Sách điện tử Trẻ (YBOOK)

161B Lý Chính Thắng, P.7, Q.3, Tp. HCM

ĐT: 08 35261001 - Fax: 08 38437450

Email: info@ybook.vn

Website: www.ybook.vn

SÚNG THẦN CÔNG ĐỒNG THẾ KỶ 17-18(*)



Súng còn nguyên vẹn, dài 63,3cm. Hình trụ, chia làm 3 phần: nòng, bầu nòng và chuôi. Nòng dài, có 2 tai ngang tiết diện tròn. Súng cần kim loại vang, hoa lá dây, hoa mai, long mã vờn sóng và cổ đồ. Súng có lỗ châm ngòi.



Súng còn nguyên vẹn, dài 25cm. Súng chia 3 phần: nòng hình trụ, bầu hình cầu, đuôi loe trên nòng có khắc chữ Hán. Màu xám đen.

(*) Tư liệu bảo tàng Lịch sử Quốc gia

